

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM  
CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN: CỬA HÀNG XĂNG DẦU BẾN THỦY  
(PETROLIMEX - CỬA HÀNG 09)**

**Địa điểm: phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**

- Vinh, tháng 08 năm 2023 -

## MỤC LỤC

<b>Chương I.....</b>	<b>2</b>
<b>THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....</b>	<b>2</b>
1. Tên chủ dự án đầu tư .....	2
2. Tên dự án đầu tư .....	2
2.1. Tên dự án đầu tư .....	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	3
3.1. Công suất của dự án đầu tư: .....	3
3.2. Sản phẩm của dự án đầu tư:.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư: .....	5
4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng .....	5
4.2. Nguyên, nhiên, vật liệu giai đoạn hoạt động.....	7
<b>Chương II .....</b>	<b>11</b>
<b>SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>11</b>
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	11
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có): ..	11
<b>Chương III.....</b>	<b>12</b>
<b>ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....</b>	<b>12</b>
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: .....	12
1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường .....	12
1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật.....	12
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	12
2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải .....	12
2.1.1. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải.....	12
2.1.2. Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải.....	14
2.1.3. Chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận nước thải .....	15
2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: .....	15
2.3. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải .....	16

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án .....16

**Chương IV.....18**

**ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....18**

1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng .....18

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động:.....18

1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....27

2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành .....32

2.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....32

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....44

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư .....44

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường .....46

3.3. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .47

3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường .....47

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo: .....47

4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá.....47

4.2. Về độ tin cậy của các đánh giá .....48

**Chương V .....50**

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....50**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....50

1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....50

1.3. Dòng nước thải .....50

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải ..50

1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....50

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....51

2.1. Nguồn phát sinh:.....51

2.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn .....51

2.3. Vị trí phát sinh tiếng ồn: .....51

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....51

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn.....52

4.1. Chất thải nguy hại.....	52
4.2. Chất thải rắn sinh hoạt.....	52
<b>Chương VI.....</b>	<b>54</b>
<b>KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>54</b>
<b>CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....</b>	<b>55</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO.....</b>	<b>56</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BTCT:	Bê tông cốt thép
BOD:	Nhu cầu oxy sinh hóa
CBNV:	Cán bộ nhân viên
COD:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
HTXL:	Hệ thống xử lý
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
UBND:	Ủy ban nhân dân
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
BTNMT:	Bộ Tài Nguyên và Môi trường

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp vật liệu thi công .....	5
Bảng 1.2. Các loại máy móc, thiết bị thi công .....	6
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hoạt động.....	8
Bảng 3.1. Biến trình nhiệt độ không khí qua các năm (Đơn vị: °C) .....	13
Bảng 3.2. Độ ẩm không khí đo được từ năm 2019 - 2021 (Đơn vị: %).....	13
Bảng 3.3. Lượng mưa, bốc hơi đo được qua các năm.....	14
Bảng 3.4. Kết quả phân tích mẫu nước mặt khu vực dự án .....	15
Bảng 3.5. Kết quả phân tích mẫu không khí khu vực dự án .....	17
Bảng 4.1. Hệ số ô nhiễm do khí thải giao thông .....	18
Bảng 4.2. Nồng độ khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng .....	18
Bảng 4.3. Hệ số phát thải và tải lượng ô nhiễm của thiết bị máy móc thi công do sử dụng dầu DO.....	20
Bảng 4.4. Lượng nhiên liệu tiêu thụ của các động cơ .....	20
Bảng 4.5. Hệ số ô nhiễm của các chất trong khí thải khi đốt dầu DO .....	21
Bảng 4.6. Nồng độ bụi trung bình trên toàn bộ khu vực dự án ở các độ cao khác nhau .....	22
Bảng 4.7. Khối lượng các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt.....	23
Bảng 4.8. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	23
Bảng 4.9. Mức ồn tối đa của các máy móc, thiết bị .....	26
Bảng 4.10. Mức ồn của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới theo kháng cách .....	26
Bảng 4.11. Mức rung của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới theo kháng cách .....	27
Bảng 4.12. Nguồn gây ô nhiễm có liên quan đến chất thải giai đoạn hoạt động .....	32
Bảng 4.13. Tải lượng ô nhiễm do các phương tiện giao thông .....	33
Bảng 4.14. Danh mục CTNH dự kiến của dự án trong tháng .....	34
Bảng 4.15. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt hàng ngày.....	35
Bảng 4.16. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	44
Bảng 4.17. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	46
Bảng 4.18. Dự trù kinh phí xây dựng các công trình xử lý môi trường.....	47
Bảng 4.19. Độ tin cậy của các phương pháp đánh giá tác động môi trường.....	48
Bảng 5.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm nước thải .....	50
Bảng 5.2. Vị trí tọa độ xả thải .....	51

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1.1. Vị trí dự án đầu tư.....	3
Hình 1.2. Quy trình nhập xăng dầu .....	4
Hình 4.1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải thi công .....	28
Hình 4.2. Phương án thu gom và xử lý nước thải của dự án.....	38
Hình 4.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa .....	38
Hình 4.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 n -+găn xử lý nước thải sinh hoạt .....	39
Hình 4.5. Sơ đồ bể lắng gạn nước thải nhiễm dầu .....	40

## **Chương I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **1. Tên chủ dự án đầu tư:** Công ty xăng dầu Nghệ An

- Địa chỉ trụ sở chính: số 04 Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: ông Nguyễn Sỹ Văn, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900326304 được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 10/7/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/03/2017.

- Mã số thuế: 2900326304.

#### **2. Tên dự án đầu tư:**

##### **2.1. Tên dự án đầu tư:**

Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy (Petrolimex - Cửa hàng 09).

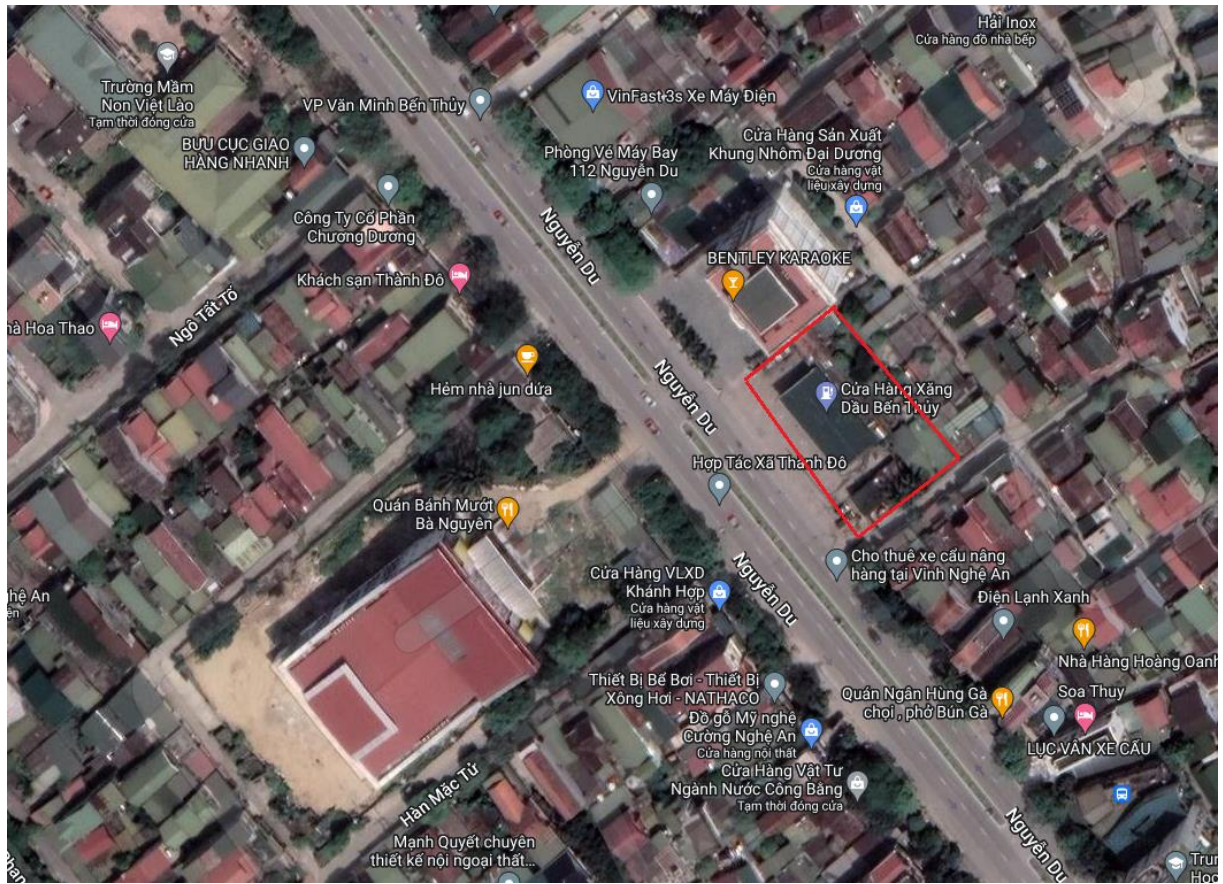
**2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:** phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

#### **Vị trí dự án đầu tư**

Dự án Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy (Petrolimex - Cửa hàng 09) tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch số 3672/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An là 1.108,6m<sup>2</sup>. Ranh giới tiếp giáp các phía tổng thể như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: Đường ngõ xóm;
- Phía Tây Bắc giáp: Đất doanh nghiệp Hùng Hồng;
- Phía Tây Nam giáp: Đường Nguyễn Du, quy hoạch rộng 45m;
- Phía Đông Nam giáp: Đường ngõ xóm, quy hoạch rộng 7,5m.





**Hình 1.1. Vị trí dự án đầu tư**

### **2.3. Quy mô dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**

Theo các tiêu chí phân loại môi trường dự án Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy (Petrolimex - Cửa hàng 09) tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có tổng mức đầu tư thuộc nhóm C nên là dự án nhóm III phải lập giấy phép môi trường theo mẫu phụ lục XI kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:**

#### **3.1. Công suất của dự án đầu tư:**

Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án  $S = 1.108,6m^2$ . Dự án Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy (Petrolimex - Cửa hàng 09) tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An sau khi xây dựng hoàn thiện và đi vào hoạt động cửa hàng có quy mô như sau:

- Quy mô xây dựng:

- (1) Lối vào;
- (2) Mái che cột bơm, cao 01 tầng, diện tích xây dựng  $396,0m^2$  (Đã xây dựng);
- (3) Nhà bán hàng, trưng bày sản phẩm, nghỉ ca+ kho, máy phát, cao 02 tầng, diện tích  $139,7m^2$  (Xây dựng mới);

(4) Khu bể chứa xăng, dầu (bể ngầm), diện tích xây dựng 63,2m<sup>2</sup> (Xây dựng mới);

(5) Nhà dịch vụ tiện ích + kho dầu mỡ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 32,8m<sup>2</sup> (Xây dựng mới);

(6) Khu rửa xe, thay dầu mỡ (mái che khung thép di động), diện tích xây dựng 15,0m<sup>2</sup> (Xây dựng mới);

(7) Bể xử lý nước thải (02 bể ngầm), tổng diện tích 3m<sup>2</sup> (Xây dựng mới);

(8) Bể nước PCCC, diện tích xây dựng 1,0m<sup>2</sup> (Xây dựng mới);

(9) Bể cát PCCC, diện tích xây dựng 1,0m<sup>2</sup> (Xây dựng mới);

(10) Bể lưu tạm chất thải nguy hại, diện tích xây dựng 1,0m<sup>2</sup> (Xây dựng mới);

(11) Hồ nhập kín, diện tích xây dựng 2,0m<sup>2</sup> (Quy hoạch mới);

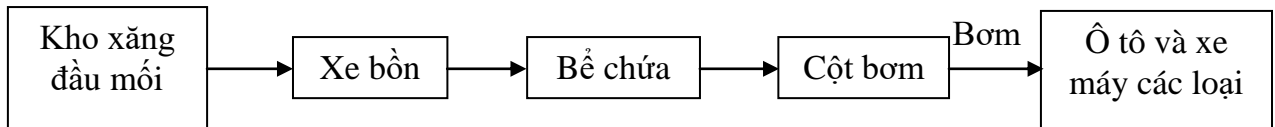
(12) Sân đường giao thông nội bộ.

- Dịch vụ cửa hàng xăng dầu: 300 m<sup>3</sup>/tháng.

### **3.2. Công nghệ của dự án**

#### **a. Quy trình nhập xăng dầu của dự án**

Quy trình xuất nhập xăng dầu được mô tả như sau:



**Hình 1.2. Quy trình nhập xăng dầu**

- Xăng, dầu được chở về cửa hàng bằng xe bồn (xitec) chuyên dụng của nhà cung cấp, sau đó được bơm vào bể chứa.

- Khi xe bồn vào bãi đỗ để nhập hàng, dùng ống mềm nối vào vị trí họng chờ nhập tại khu bể của cửa hàng. Trong quá trình nhập hàng, xăng dầu được dẫn theo ống mềm từ xitec vào bể ngầm của cửa hàng và điền vào thể tích trống của bể chứa đồng thời đẩy hơi xăng dầu từ bể chứa thoát ra theo đường ống thu hồi hơi về xe xitec. Nhờ việc điều chỉnh áp lực dương của van thở bể mà hơi xăng dầu sẽ theo đường ống thu hồi hơi quay trở lại xe xitec và không phát thải ra ngoài qua van thở bể. Khi nhập xăng dầu vào bể phải sử dụng phương pháp nhập kín.

- Tất cả các bể chứa đều được đặt ngầm dưới đất dày 1m, bể được kê trên nền bê tông cốt thép.

- Khi xuất bán được bơm dẫn tới thiết bị máy đo đếm điện tử, bán cho người tiêu dùng. Xăng dầu được xuất cho xe ô tô và xe máy bằng đồng hồ điện tử điều khiển.

- Để đảm bảo an toàn và tránh tình trạng gián nở và co ngót xăng dầu, việc thực hiện nhập kho xăng dầu sẽ được thực hiện vào lúc trời râm mát, không thực hiện vào thời điểm trời nắng, nóng.

Hoạt động kinh doanh xăng dầu sẽ làm phát sinh các chất thải như: hơi xăng dầu rò rỉ, khí thải giao thông, nước thải nhiễm dầu, bùn cặn nhiễm dầu từ quá trình sục rửa bể chứa; nước thải và chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

### **b. Công nghệ sử dụng**

- Bồn bể chứa xăng dầu theo tiêu chuẩn Petrolimex, các cột bơm do hãng Tasuno (Nhật Bản) hoặc Peco (Việt Nam) sản xuất được Tổng Cục đo lường chất lượng Việt Nam phê duyệt mẫu.

- Hệ thống công nghệ xăng dầu: các đường ống công nghệ nhập xuất xăng dầu, công nghệ thở xăng dầu, công nghệ thu hồi hơi xăng dầu theo QCVN 01:2013/BCT.

- Hệ thống công nghệ chống sét: đấu nối độc lập giữa chống sét các hạng mục kiến trúc như Mái che cột bơm, nhà bán hàng, nhà vệ sinh công cộng và hệ thống chống sét cảm ứng của khu bể xăng dầu, cột bơm xăng dầu.

- Hệ thống thu hồi hơi xăng dầu: bằng các ống thép mạ kẽm, ống mềm thu hồi hơi từ trong bồn chứa xăng dầu về xe ô tô xitec.

### **3.2. Sản phẩm của dự án đầu tư:**

Công năng chính của dự án là kinh doanh các mặt hàng xăng dầu phục vụ nhu cầu cho người dân.

Dự án là loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ. Với loại hình này, chất thải phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng đến liên hệ làm việc.

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:**

### **4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **4.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất**

Địa điểm xây dựng dự án nằm trong địa bàn phường Bến Thủy, thành phố Vinh, các loại vật liệu xây dựng chính, phụ đều được tập hợp từ các đại lý trên địa bàn thành Vinh với khoảng cách vận chuyển khoảng 7km nên việc cung ứng vật liệu cho Dự án là thuận lợi.

**Bảng 1.1. Bảng tổng hợp vật liệu thi công**

<b>TT</b>	<b>Nguyên VLXD</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Khối lượng (Quy ra tấn)</b>
1	Bê tông các loại	m <sup>3</sup>	-	566
2	Gạch xây dựng	viên	50.000	186
3	Đá xây dựng các loại	m <sup>3</sup>	-	110
4	Cát các loại	m <sup>3</sup>	-	70

TT	Nguyên VLXD	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng (Quy ra tấn)
5	Xi măng	tấn	60	60
6	Thép các loại	tấn	80	80
7	Các loại vật tư khác	m <sup>3</sup>	-	10
	<b>Tổng</b>			<b>1.082</b>

(Nguồn: Hồ sơ dự án)

#### 4.1.2. Nhu cầu máy móc thiết bị

Giai đoạn thi công xây dựng sử dụng các loại thiết bị bao gồm:

**Bảng 1.2. Các loại máy móc, thiết bị thi công**

Tên loại máy	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Tình trạng
Máy đào 1,6m <sup>3</sup>	Cái	01	Nhật Bản	Cũ (còn 80%)
Máy đầm bánh hơi tự hành 9T	Cái	01	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy đầm bàn 1kW	Cái	01	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy trộn bê tông	Cái	01	Nt	Cũ (còn 90%)
Ô tô tự đổ 10 tấn	Cái	02	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy hàn điện 23kW	Cái	01	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy hàn nhiệt	Cái	01	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy cắt uốn cắt thép 5kW	Cái	01	Nt	Cũ (còn 90%)

#### 4.1.3. Nhu cầu sử dụng nước

- **Nước sinh hoạt:** trong giai đoạn xây dựng, có tối đa 10 công nhân làm việc. Do công nhân chủ yếu là dân địa phương, cuối ngày về sinh hoạt tại gia đình nên theo tiêu chuẩn cấp nước quy định tại TCXDVN 33:2006, tiêu chuẩn sử dụng nước cho mỗi công nhân là 70 lít/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng là:

$$Q_{sh} = 10 \text{ người} \times 70 \text{ lít/người/ngày} / 1000 = 0,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

#### - Nước xây dựng

+ Nhu cầu sử dụng nước xây dựng: do bê tông phục vụ công tác xây dựng các hạng mục chủ yếu được mua tại các trạm trộn bê tông nên nhu cầu sử dụng nước giai đoạn xây dựng khá ít khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Nhu cầu nước bảo dưỡng máy móc, thiết bị: máy móc, thiết bị, phương tiện thi công được bảo dưỡng tại các trạm sửa chữa riêng, không thực hiện bảo dưỡng tại dự án.

+ Nước rửa lớp xe và rửa thiết bị: lượng nước này ước tính khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Nhu cầu nước phun tưới ẩm: (chiều dài đoạn đường tưới ẩm là 1km), tần suất 2 lần/ngày: 1 xe x 1 m<sup>3</sup>/xe x 2 lần/ngày = 2 m<sup>3</sup>/ngày.

Như vậy, nhu cầu sử dụng nước xây dựng là: Q<sub>xd</sub> = 3,0 m<sup>3</sup>/ngày.

Tổng nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn xây dựng Dự án là: 3,7 m<sup>3</sup>/ngày.

#### **- Nguồn cung cấp nước:**

+ Nước cấp cho quá trình thi công xây dựng, tưới ẩm là nguồn nước máy từ mạng lưới cấp nước của thành phố;

+ Nước uống cho công nhân sử dụng nước uống đóng bình.

#### **4.1.4. Nhu cầu sử dụng điện**

Điện năng sử dụng cho hoạt động của dự án trong giai đoạn xây dựng chủ yếu là điện để hoạt động các loại máy móc sửa công trình,.....

- **Nguồn cung cấp điện:** nguồn điện được lấy có sẵn dọc theo tuyến đường Nguyễn Du.

### **4.2. Nguyên, nhiên, vật liệu giai đoạn hoạt động**

#### **4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện, nước**

##### **a. Nhu cầu sử dụng nước**

- Nguồn cung cấp nước: nước cấp cho hệ thống được lấy từ đường ống cấp nước của thành phố Vinh dọc theo đường Nguyễn Du, được đưa vào tọc nước trên mái của dự án.

- Tiêu chuẩn:

+ Cấp nước sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên khu vực bán hàng, thương mại: 80 lít/người.ngđ, khách đến mua hàng 5 lít/người.ng.đ (QCXDVN 01:2021).

+ Nước rửa xe: 0,5m<sup>3</sup>/xe.

+ Cấp nước tưới cây: 2 lít/m<sup>2</sup>.ngđ (QCXDVN 01:2021).

+ Cấp nước chữa cháy theo TCVN 2622-1995: cấp nước chữa cháy ngoài nhà là 25 lít/s, thời gian mỗi đám cháy 3 giờ, tính cho 1 đám cháy; cấp nước chữa cháy trong nhà là 02 họng chữa cháy, lưu lượng mỗi họng là 2,5l/s.

- Quy mô tính toán:

+ Nhân viên làm việc tại dự án: khoảng 12 CBNV, tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người.ngđ.

+ Khách hàng đến mua hàng xăng dầu, dịch vụ thương mại: 60 người/ngày, tiêu chuẩn cấp nước: 5 lít/người.ng.đ.

**Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hoạt động**

TT	Đối tượng dùng nước	Đơn vị	Số lượng	Tiêu chuẩn cấp nước	Công suất (m <sup>3</sup> /ng.đ)
1	Khách hàng	Người	<b>60</b>	5 l/ng/ng.đ	<b>0,3</b>
2	Nhân viên làm việc	Người	<b>10</b>	80 l/ng/ng.đ	<b>0,8</b>
3	Nước rửa xe	Xe	<b>8</b>	0,5 m <sup>3</sup> /xe	<b>4,0</b>
<b>Q<sub>sh</sub> = 1 + 2 + 3</b>					<b>5,1</b>
3	Nước tưới cây, rửa đường	m <sup>3</sup>	<b>S = 522,1</b>	2 l/m <sup>2</sup>	<b>1,044</b>
4	Nước PCCC	m <sup>3</sup>	<b>2 giờ</b>	25 l/s	<b>180</b>

**b. Nhu cầu sử dụng điện**

Tổng nhu cầu sử dụng điện của dự án khi đi vào hoạt động dự kiến khoảng 30 kWh/ngày.

Nguồn điện trung thế cấp vào được lấy từ đường điện 3 pha kéo rải bằng dây điện cáp vặn xoắn 4 x 50 mm từ trạm điện phường Bến Thủy.

Ngoài ra khi xảy ra mất điện thì toàn bộ các phụ tải của công trình sẽ được cấp nguồn từ hệ thống điện ưu tiên máy phát thông qua thiết bị chuyển nguồn tự động ATS. Máy phát điện được bố trí tại khu kỹ thuật điện trạm biến áp của công trình. Máy phát điện 3 pha chạy bằng nhiên liệu dầu Diesel có công suất 20kVA.

**4.2.2. Nhu cầu cung cấp nhiên liệu**

Nhiên liệu phục vụ cho hoạt động của dự án bao gồm dầu Diesel phục vụ chạy máy phát điện dự phòng.

**4.2.3. Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ giai đoạn hoạt động**

Dự kiến một số máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của dự án bao gồm:

- Thiết bị cho văn phòng làm việc như: máy tính, điện thoại, máy in, hệ thống điều hòa, hệ thống camera...

- Thiết bị phục vụ hạ tầng kỹ thuật máy bơm nước, trạm biến áp, tủ điện,...

**5. Các hạng mục công trình của dự án**

Dự án Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy (Petrolimex - Cửa hàng 09) tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch số 3672/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An như sau:

- Tổng diện tích khu đất: 1.108,6m<sup>2</sup>;
- Diện tích xây dựng công trình: 586,5m<sup>2</sup>;
- Diện tích sân đường nội bộ: 522,1m<sup>2</sup>;
- Mật độ xây dựng: 52,9%;

- Tầng cao: 01-02 tầng.

Các hạng mục xây dựng như sau:

**Bảng 1.4. Quy mô các hạng mục công trình**

STT	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tầng cao
1	Lối vào	-	-
2	Mái che cột bơm (Đã xây dựng)	396	01 tầng
3	Nhà bán hàng, trưng bày sản phẩm, nghỉ ca + kho, máy phát (Xây dựng mới)	139,7	02 tầng
4	Khu bể chứa xăng, dầu (bể ngầm) (Xây dựng mới)	63,2	-
5	Nhà dịch vụ tiện ích + kho dầu mỡ (Xây dựng mới)	32,8	01 tầng
6	Khu rửa xe, thay dầu mỡ (mái che khung thép di động) (Xây dựng mới)	15	-
7	Bể xử lý nước thải (02 bể ngầm) (Xây dựng mới)	3	-
8	Bể nước PCCC (Xây dựng mới)	2,0	-
9	Bể cát PCCC (Xây dựng mới)	78,6	01 tầng
10	Bể lưu tạm chất thải nguy hại (Xây dựng mới)	25	-
11	Hố nhập kín (Xây dựng mới)	1,5 x 2 = 3	-
12	Sân đường giao thông nội bộ	1.542,5	-

**a. Hiện trạng sử dụng đất của dự án**

Khu đất cửa hàng có diện tích 1.108,6m<sup>2</sup>, tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh. Thửa đất hiện trạng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty xăng dầu Nghệ An.

**b. Hiện trạng khu đất thực hiện dự án**

Các công trình hiện hữu tại dự án:

- Mái che cột bơm, diện tích 196m<sup>2</sup>, gồm 06 trụ bơm: 02 trụ bơm dầu DO 0,05S; 02 trụ bơm xăng RON 95; 02 trụ bơm xăng E5.
- Nhà bán hàng, văn phòng, kho, nhà để xe diện tích khoảng 120m<sup>2</sup>.
- Khu bể ngầm chứa xăng dầu, diện tích khoảng 40m<sup>2</sup>, gồm 1 bể dầu DO 0,05S dung tích 25m<sup>3</sup>, 1 bể xăng RON 95 dung tích 25m<sup>3</sup>, 1 bể xăng E5 dung tích 25m<sup>3</sup>.

- Nhà tắm + nhà vệ sinh, diện tích khoảng 10m<sup>2</sup>.



**Hình 1.2. Hình ảnh hiện trạng dự án**

- Các sản phẩm kinh doanh xăng dầu gồm có:

- + Xăng Ron 95: 500 m<sup>3</sup>/năm;
- + Xăng E5: 500 m<sup>3</sup>/năm;
- + Dầu Diezel 0,05S: 450 m<sup>3</sup>/năm.



## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Dự án phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022.

Hiện tại, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,... đang trong quá trình thẩm định, phê duyệt. Tuy nhiên theo Điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về phân vùng môi trường, thì dự án không thuộc các khu vực phân vùng môi trường bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải do không đi qua các khu vực khu dân cư nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III; không ảnh hưởng đến nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt; không đi qua các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên;...

Dự án phù hợp với định hướng phát triển các khu chức năng theo Quy hoạch chung của tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (được phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch thành phố Vinh (được phê duyệt tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND tỉnh Nghệ An) và phù hợp với kế hoạch bổ sung sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh (được phê duyệt tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh Nghệ An).

#### **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):**

Dự án có vị trí tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Lưu lượng nước thải của dự án xả thải tối đa là 5,1 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Đặc trưng nước thải của dự án là nước thải của cửa hàng xăng dầu, quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý là QCVN 29:2010/BTNMT, cột B.

Nước thải của dự án sau xử lý được thoát ra theo mương thoát nước nội bộ trong khuôn viên dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải dọc đường Nguyễn Du và chảy về nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố, sau đó thải ra sông Rào Đừng. Do đó không tiến hành đánh giá khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

### **Chương III**

## **ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

### **1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:**

#### **1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường**

Qua điều tra, khảo sát khu vực dự án cho thấy nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn đổ vào đầu nối vào nguồn tiếp nhận nước thải là hệ thống thoát nước thải dọc đường Nguyễn Du phía Tây dự án thuộc hệ thống thu gom nước thải thành phố; nguồn tiếp nhận khí thải là môi trường không khí khu vực dự án. Các thành phần môi trường này nhìn chung chưa có hiện tượng ô nhiễm.

#### **1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật**

Kết quả điều tra khảo sát hiện trạng tài nguyên sinh vật của đơn vị tư vấn cho thấy: xung quanh khu vực dự án không có loài động, thực vật nào quý hiếm sinh sống. Trong khu vực Dự án và vùng lân cận (bán kính 01 km) không có Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, các giá trị sinh thái quan trọng được quy định bảo tồn bởi luật pháp Việt Nam hay các công ước, hiệp ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia.

### **2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án**

#### **2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải**

##### **2.1.1. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải**

##### **a. Điều kiện địa lý, địa hình:**

Dự án Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy (Petrolimex - Cửa hàng 09) tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh nằm tiếp giáp đường Nguyễn Du: địa hình khu vực thuộc vùng đồng bằng, thành phố nên khá bằng phẳng, độ chênh cao và độ dốc nhỏ. Thuận lợi cho việc thi công xây dựng công trình.

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án là hệ thống mương thoát nước của thành phố dọc đường Nguyễn Du. Đường Nguyễn Du thuộc phường Bến Thủy, nổi trung tâm thành phố Vinh đến cầu Bến Thủy (bắc qua sông Lam). Tuyến đường đã hoàn thiện đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật như thoát nước, chiếu sáng.

Hệ thống thu gom nước thải tại dự án được bố trí bao gồm các mương thoát nước bê tông cốt thép dày 20cm, BT M200 đá 1x2, chiều rộng mương là 20cm. Tấm đan mương là tấm đan thép mạ kẽm chịu lực. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hố ga của đường Nguyễn Du để thoát ra hệ thống thoát nước chung. Hố ga trước của đường Nguyễn Du bằng bê tông cốt thép có kích thước là 2,5 m x 1,0 m x 1,0 m.

Khu vực xả thải thuộc địa phận phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Địa hình khu vực nghiên cứu là dạng địa hình đồng bằng, được bồi đắp bởi sông

Lam và các phụ lưu của nó. Bề mặt khá bằng phẳng, cao độ địa hình từ 0,3-1m. Địa hình khu vực xung quanh dự án bằng phẳng, đã xây dựng nhà ở, công trình dân dụng.

**b. Điều kiện khí hậu**

- **Nhiệt độ:** dự án nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa Bắc Trung Bộ. Nhiệt độ trung bình của khu vực triển khai Dự án là 24<sup>0</sup>C. Trong năm khí hậu được chia làm 2 mùa rõ rệt:

+ Mùa khô kéo dài từ tháng 4 đến tháng 9, khí hậu khô nóng nhất là từ tháng 6 đến tháng 8, nhiệt độ cao nhất là 42<sup>0</sup>C. Mùa này có gió Đông Nam và đặc trưng là gió Lào thổi qua.

+ Mùa mưa kéo dài từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, nhiệt độ thấp nhất là 7<sup>0</sup>C, mùa này có gió chính là gió Đông Bắc.

**Bảng 3.1. Biến trình nhiệt độ không khí qua các năm (Đơn vị: <sup>0</sup>C)**

Năm Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	TB
2020	16,7	17,4	20,7	24,3	28,3	29,1	30,6	28,4	26,7	24,9	21,5	18,4	23,9
2021	17,3	18,4	21,1	24,9	28,0	28,9	30,1	29,6	26,2	24,7	22,6	18,1	24,2
2022	17,5	17,9	20,4	24,1	27,7	29,4	29,7	28,7	26,9	24,5	21,5	18,7	23,9
TB	17,2	17,9	20,7	24,4	28,0	29,1	30,1	28,8	26,6	24,7	21,8	18,4	24,0

(Nguồn: Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ)

- **Độ ẩm:** Đây là vùng có khí hậu nóng ẩm, do đó độ ẩm trong vùng tương đối lớn, độ trung bình khoảng 85% và không có sự chênh lệch nhiều qua các tháng trong năm.

**Bảng 3.2. Độ ẩm không khí đo được từ năm 2020 - 2022 (Đơn vị: %)**

Tháng Năm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Min
2020	91,0	95,0	93,0	90,0	86,0	80,0	79,0	78,0	81,0	86,0	87,0	89,0	78,0
2021	93,0	96,0	95,0	88,0	84,0	79,0	81,0	79,0	79,0	83,0	85,0	91,0	79,0
2022	94,0	92,0	91,0	89,0	87,0	76,0	82,0	81,0	87,0	85,0	84,0	90,0	76,0
TBM	92,7	94,3	93,0	89,0	85,6	78,3	80,7	79,3	89,0	84,7	85,3	90,0	78,3

(Nguồn: Đài KTTV khu vực Bắc Trung)

**- Bức xạ**

+ Số giờ nắng trung bình năm từ 1.600 giờ đến 1.700 giờ. Bức xạ tổng cộng đạt 125-135 kcal/cm<sup>2</sup>/năm.

+ Từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm bức xạ tổng cộng lớn hơn 400 kcal/cm<sup>2</sup>/ngày, thời gian còn lại trong năm đều nhỏ hơn 400 kcal/cm<sup>2</sup>/ngày.

**- Đặc điểm mưa**

+ Khu vực Dự án có lượng mưa phân bố không đồng đều trong năm. Mùa Đông, mùa Xuân lượng mưa nhỏ, mặc dù thời gian mưa có thể kéo dài nhưng chủ yếu là mưa phùn, hai mùa này thường kết hợp mưa dầm và có gió mùa Đông Bắc, lượng mưa hai mùa này chiếm khoảng 20% lượng mưa hàng năm. Lượng mưa tập trung vào mùa Hạ và đặc biệt là mùa Thu, chiếm khoảng 80% lượng mưa cả năm, đặc biệt cuối thu thường mưa rất to. Lượng mưa trung bình hàng năm đạt 1.400 đến 1.600mm.

**Bảng 3.3. Lượng mưa, bốc hơi đo được qua các năm**

Tháng Năm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
2020	65,6	41,3	57,4	50,7	60,6	107,3	121,4	223,1	198,9	220,5	114,3	92,2
2021	62,7	43,7	51,4	52,3	59,3	179,5	137,3	216,4	214,3	135,4	103,2	87,2
2022	64,5	47,9	57,1	51,6	63,2	143,1	146,7	173,6	198,6	144,9	126,7	90,5
Tổng	192,8	132,9	165,9	154,6	183,1	429,9	405,4	613,1	611,8	500,8	344,2	269,9
TBM	37,8	44,3	55,3	51,5	60,0	143,3	135,1	204,4	203,9	166,9	114,7	90,0

*(Nguồn: Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ)*

Lượng mưa tháng lớn nhất: 223,1 mm (tháng 8/2020).

Qua phân tích các điều kiện tự nhiên ta thấy, đây là khu vực có nhiệt độ ổn định theo mùa, lượng mưa trung bình, nắng nhiều, ít xảy ra ngập lụt. Việc lựa chọn địa điểm thực hiện dự án tại khu vực này sẽ có nhiều thuận lợi cho việc thi công cũng như khi dự án đi vào hoạt động.

**2.1.2. Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải**

Nghệ An có 8 con sông chảy trực tiếp ra biển, gồm sông Cả, sông Hiếu, sông Nậm Mô, sông Giăng, sông Hoàng Mai, sông Thái, sông Bùng và sông Cấm. Trong đó, lớn nhất là sông Cả, hàng năm lượng nước sông cả chảy ra biển khoảng 20 tỷ m<sup>3</sup>, lượng nước phù sa trôi ra biển khoảng 7 triệu m<sup>3</sup> và cung cấp cho cá lượng phù du đáng kể.

Trong vòng bán kính 1km từ nguồn tiếp nhận, các nguồn thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư lân cận và các cơ sở kinh doanh dịch vụ. Các thành phần ô nhiễm thường thấy ở nước thải sinh hoạt là BOD<sub>5</sub>, COD, tổng N, tổng P... Nước thải sinh hoạt thường được xử lý qua bể tự hoại trước khi thải ra ngoài.

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là mương bê tông dọc đường Nguyễn Du, với độ dốc i=0,2%, mương thoát nước bắt nguồn từ phía Bắc. Mương thoát nước này đổ vào hệ thống thu gom nước thải của thành phố dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập

trung của thành phố để xử lý, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn thoát ra sông Rào Đùng.

Cách dự án khoảng 1km là sông Lam.

Trong vòng bán kính 1km từ nguồn tiếp nhận nước thải được khảo sát tại điểm tiếp nhận nước thải tại mương thoát nước trên đường Nguyễn Du, các nguồn thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư lân cận, trường học và các cơ sở kinh doanh dịch vụ. Các thành phần ô nhiễm thường thấy ở nước thải sinh hoạt là BOD<sub>5</sub>, COD, tổng N, tổng P... Nước thải sinh hoạt thường được xử lý qua bể tự hoại của các hộ gia đình trước khi thải ra ngoài.

### **2.1.3. Chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận nước thải**

Lưu lượng mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du thay đổi theo mùa, hướng dòng chảy từ Bắc xuống Nam, lưu lượng nước đạt cực đại vào các mùa mưa do lượng nước mưa được tăng cường và quá trình thấm thấu nước dưới đất cũng diễn ra với cường độ lớn cũng như lượng nước chảy từ các vùng khác cũng nhiều hơn. Ngoài ra chế độ thủy văn của mương còn phụ thuộc phần lớn vào hoạt động sinh hoạt của người dân xung quanh mương.

Tại khu vực tiếp nhận nước thải, hệ thống mương thoát nước có chiều rộng 1,5m, độ sâu từ 1m, hướng dòng chảy Đông Bắc - Tây Nam, tốc độ dòng chảy của khoảng 0,5 m/s, lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất 8,1 m<sup>3</sup>/s.

## **2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải:**

### **2.2.1. Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải**

Nguồn nước tiếp nhận nước thải tại thời điểm khảo sát có hơi đục, không có mùi đặc biệt, không có hiện tượng bất thường. Hiện tại, không thấy hiện tượng bất thường về chất lượng nước, sinh vật thủy sinh trong dòng nước và thảm thực vật xung quanh.

### **2.2.2. Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải**

Để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận kỹ thuật viên tiến hành lấy mẫu nước tại ao nước khu vực cạnh dự án với khối lượng 2 lít. Quy trình lấy mẫu được tiến hành theo - TCVN 6663-6:2008 - Chất lượng nước - lấy mẫu - hướng dẫn lấy mẫu ở sông và suối. Công ty tiến hành gửi mẫu phân tích tại Công ty Cổ phần Quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương.

Kết quả chất lượng nước mặt của mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 3.4. Kết quả phân tích mẫu nước mặt khu vực dự án**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kết quả</b>	<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B<sub>1</sub>)</b>
1	pH	-	7,1	5,5-9

2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	8	15
3	COD	mg/l	24	30
4	DO	mg/l	5,8	≥4
5	TSS	mg/l	38	50
6	Amoni	mg/l	0,6	0,9
7	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.100	7.500

Ghi chú : (-): không quy định

QCVN 08-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt. Cột B<sub>1</sub> - Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B<sub>2</sub>.

Nhìn chung chất lượng nguồn nước tại khu vực chưa bị ô nhiễm về chất lượng, các chỉ tiêu phân tích không có thông số nào vượt giới hạn cho phép với QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B<sub>1</sub> - là nước dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B<sub>2</sub>).

### 2.3. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải của dự án là mương thoát nước dọc tuyến đường Nguyễn Du:

+ Mương tiếp nhận nước thải của dự án và nước thải các hộ dân, các cơ sở nằm tiếp giáp trực đường Nguyễn Du.

+ Mương thoát nước có chức năng tiêu thoát nước mưa của khu vực dự án và khu vực xung quanh dự án.

+ Mương không sử dụng vào mục đích cấp nước cho hoạt động nào khác.

- Đối với nước sinh hoạt của người dân: người dân gần khu vực dự án chủ yếu sử dụng nguồn nước nhà máy nước thành phố Vinh để phục vụ cho mục đích ăn uống và sinh hoạt.

### 2.4. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Ngoài dự án có hoạt động xả nước thải vào hệ thống thoát nước dọc đường Nguyễn Du, xung quanh khu vực còn có các cửa hàng kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ, trường học và hộ gia đình.

Chất thải từ các hộ gia đình xung quanh khu vực mương thoát nước khu vực chủ yếu là chất thải từ các bể tự hoại gia đình, chất thải từ hoạt động nấu nướng, sinh hoạt của các hộ gia đình... nước thải thường chứa các thông số chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, tổng N, tổng P và Coliform; chế độ xả thải gián đoạn. Lưu lượng xả nước thải phụ thuộc vào quy mô dân cư và thói quen sinh hoạt của người dân địa phương.

## 3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá chất lượng các thành phần môi trường nền trong khu vực thực hiện dự án, Công ty đã phối hợp với Công ty cổ phần xử lý và quan trắc môi trường Thái Dương tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích đánh giá các thành phần môi trường không khí tại khu vực dự án.

+ Đợt 1: thực hiện vào ngày 13/7/2023;

+ Đợt 2: thực hiện vào ngày 14/7/2023;

+ Đợt 3: thực hiện ngày 15/7/2023.

- Vị trí lấy mẫu: chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án được khảo sát tại vị trí như sau:

KK: mẫu không khí tại khu vực thực hiện Dự án.

Kết quả phân tích được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.5. Kết quả phân tích mẫu không khí khu vực dự án**

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ)
			KK	KK	KK	
1	Bụi lơ lửng	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	125	130	121	300
2	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<4000	<4000	<4000	30000
3	SO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	105	101	96	350
4	NO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	90	84	82	200
5	Tiếng ồn	dBA	63	65	61	70 <sup>(1)</sup>

(Nguồn: Công ty cổ phần xử lý và quan trắc môi trường Thái Dương tháng 07/2023)

Ghi chú: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

(1) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Qua bảng phân tích cho thấy nồng độ các chỉ tiêu phân tích không khí tại 03 đợt khảo sát đều nằm dưới ngưỡng cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy chất lượng môi trường không khí khu vực Dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

#### Chương IV

### ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

#### 1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

##### 1.1. Đánh giá, dự báo các tác động:

##### 1.1.1. Đánh giá tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị

##### a. Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển vật nguyên vật liệu

Theo hồ sơ chiết tính khối lượng của dự án, khối lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục của dự án (bao gồm: gạch, bê tông, thép, xi măng, cát, sơn nước, vật tư các loại,...) tính toán tại bảng 1.2 chương I là 1.082 tấn.

Tổng khối lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công: 657 tấn.

- Số lượt xe vận chuyển là:  $1.082 \text{ tấn} : 10 \text{ tấn/xe} \approx 109$  chuyến.

- Số km vận chuyển tạm tính:  $109 \text{ chuyến} \times 14 \text{ km} (2 \text{ lượt}) = 1.526 \text{ km}$ .

- Lượng dầu diesel tiêu thụ:  $1.526 \text{ km} \times 0,2 \text{ lít/km} = 305,2 \text{ lít}$ .

Theo hệ số quy đổi dầu diesel (0,5%S) từ lít sang kg là: 1 lít dầu diesel  $\approx 0,85\text{kg}$  thì:  $305,2 \text{ lít dầu} \times 0,85 \text{ kg} = 259,42 \text{ kg} \approx 0,26 \text{ tấn dầu diesel}$ .

Thời gian vận chuyển vật tư là 1 ngày, do đó lượng dầu tiêu thụ cho vận chuyển nguyên vật liệu trong ngày là 0,26 tấn dầu diesel/ngày.

Căn cứ lượng khí thải độc hại phát thải khi sử dụng 1 tấn dầu đối với động cơ đốt trong theo “Trần Ngọc Chân, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, tập 1, NXB Khoa học kỹ thuật, 1999” thì:

**Bảng 4.1. Hệ số ô nhiễm do khí thải giao thông**

Động cơ	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nhiên liệu)				
	Bụi	SO <sub>2</sub>	NO <sub>2</sub>	CO	VOC
Xe hơi động cơ > 2.000cc	0,76	0,087	27,11	169,7	24,09

(Nguồn: *Assessment of Sources of Air, Water and Land pollution, WHO 1993*)

Tải lượng khí thải phát sinh do phương tiện chuyên chở vật liệu cho dự án ước tính phát sinh như trình bày sau:

**Bảng 4.2. Nồng độ khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng**

TT	Chất ô nhiễm	Lượng phát sinh (kg/ngày)	Nồng độ khí thải (*) (mg/m <sup>3</sup> )	QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ (mg/m <sup>3</sup> )
----	--------------	---------------------------	---	--



TT	Chất ô nhiễm	Lượng phát sinh (kg/ngày)	Nồng độ khí thải (*) (mg/m <sup>3</sup> )	QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ (mg/m <sup>3</sup> )
1	Bụi	0,20	0,02	0,3
2	SO <sub>2</sub>	0,022	0,001	0,35
3	NO <sub>2</sub>	7,04	0,42	0,2
4	CO	44,12	2,61	30
5	VOC	6,26	0,37	-

**Ghi chú:** (\*): Nồng độ trung bình (mg/m<sup>3</sup>) = Tải lượng (g/ngày) x 10<sup>6</sup> / 8 / V (m<sup>3</sup>)

+ Ngày làm việc: 8h.

+ Thời gian của quá trình vận chuyển, bốc dỡ vật liệu xây dựng: 1 ngày.

+ Diện tích vùng chịu ảnh hưởng của hoạt động bốc dỡ là diện tích khu vực dự án: S<sub>DA</sub> = 1.108,6 m<sup>2</sup>.

- H = 10m (chiều cao trung bình phát tán của bụi là 10m). Ta có, thể tích không gian vùng chịu ảnh hưởng: V = S × H = 1.108,6 m<sup>2</sup> × 10 m = 11.086 (m<sup>3</sup>).

+ Diện tích quãng đường vận chuyển: S<sub>đường</sub> = d × R

Trong đó: Chiều dài quãng đường trung bình là d = 7 km, R = 10m (chiều rộng đường) + 20m (2 bên đường ảnh hưởng) = 30m; S<sub>đường</sub> = 7.000m × 30m = 210.000 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích khu vực thực hiện Dự án: S<sub>DA</sub> = 1.108,6 m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích vùng ảnh hưởng: S = S<sub>đường</sub> + S<sub>DA</sub> = 210.000 + 1.108,6 = 211.108,6 m<sup>2</sup>.

Ta có: S = 211.108,6 m<sup>2</sup>, H = 10m (chiều cao phát tán trung bình).

V = S × H = 211.108,6 × 10 = 2.111.086 (m<sup>3</sup>).

Qua nồng độ bụi ước tính phát sinh (theo lý thuyết) tại bảng được so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT, thì nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động bốc dỡ và vận chuyển nguyên vật liệu được dự báo không quá lớn, chỉ có NO<sub>2</sub> vượt mức cho phép cao hơn 9,4 lần; nồng độ CO, SO<sub>2</sub> và bụi ước tính phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu đều nằm trong giới hạn cho phép.

Kết quả dự báo trên là tính tải lượng cho cả quãng đường vận chuyển, nồng độ các khí này sẽ phân tán dọc trên đường. Do quãng đường vận chuyển khá dài, không gian rộng thoáng nên nồng độ thực tế phát sinh dọc tuyến đường vận chuyển và quanh khu vực dự án là rất nhỏ.

#### **b. Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị**

Số phương tiện vận chuyển trong giai đoạn thi công lớn nhất khoảng 3 phương tiện trong 1 ngày. Lượng nhiên liệu (dầu DO) tiêu thụ của các phương tiện khác nhau, nhưng theo thực tế vận hành của các thiết bị thi công thì bình quân lượng dầu tiêu thụ

trung bình một ngày làm việc 8 tiếng của một phương tiện thi công/ngày. Lượng dầu tiêu thụ trong một ngày của phương tiện thi công là: 3 phương tiện x 20 lít/ngày = 60 lít/ngày = 2,5 lít/h. Khối lượng riêng của dầu DO 0,85 kg/lít, hàm lượng lưu huỳnh 0,05%.

Khối lượng dầu DO sử dụng trong một ngày là: 2,5 l/h x 0,85 kg/l = 2,125 kg/h. Tải lượng ô nhiễm của thiết bị máy móc thi công do đốt dầu DO được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 4.3. Hệ số phát thải và tải lượng ô nhiễm của thiết bị máy móc thi công do sử dụng dầu DO**

Thông số	Bụi	SO <sub>2</sub>	NO <sub>2</sub>	CO	VOC
Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)	4,3	20S (S=0,025%)	55	28	12
Tải lượng ô nhiễm (kg/h)	0,024	0,105	0,29	0,15	0,065

*(Nguồn: Assessment of Sources of Air, Water and Land pollution. A Guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies - Part I and II)*

Tuy nhiên, các máy móc thi công công trình không diễn ra đồng thời cùng một thời điểm mà kéo dài trong vòng 1 tháng nên ảnh hưởng của khí thải từ các thiết bị thi công và từ phương tiện vận tải đến môi trường chỉ mang tính cục bộ, nhất thời.

### 1.1.2. Đánh giá tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án

#### a. Khí thải

##### a.1. Khí thải phát sinh từ phương tiện thi công

Căn cứ số lượng, chủng loại máy móc phục vụ thi công dự án có thể liệt kê các loại máy móc, thiết bị trong quá trình sử dụng nhiên liệu là dầu diesel có phát sinh khí thải như sau:

**Bảng 4.4. Lượng nhiên liệu tiêu thụ của các động cơ**

TT	Loại máy	Số lượng	Định mức lượng nhiên liệu sử dụng (kg dầu diesel/ca làm việc)	Tổng lượng nhiên liệu cho 1 ca làm việc (kg dầu diesel)
1	Ô tô tải 10 tấn	2	41	82
2	Máy đầm bánh hơi tự hành 9T	1	7,8	7,8
3	Máy trộn bê tông	1	9,6	9,6
4	Máy đào 1,6 m <sup>3</sup>	1	82,62	82,62
5	Máy đầm bàn 1kW	2	3,06	6,12
	<b>Tổng cộng</b>			<b>188,14</b>

*(Nguồn Thông tư 06:2005/TT-BXD về hướng dẫn xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công)*

➤ *Hệ số ô nhiễm*

Tính chất và thành phần của dầu DO được sử dụng trong quá trình thi công đã được trình bày tại bảng sau:

**Bảng 4.5. Hệ số ô nhiễm của các chất trong khí thải khi đốt dầu DO**

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Hệ số ô nhiễm
1	Bụi	kg/tấn nhiên liệu	0,28
2	SO <sub>2</sub>		20S
3	NO <sub>x</sub>		2,84
4	CO		0,71

(Nguồn: *Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, WHO, 1993* và *S: Hàm lượng S trong dầu DO: 0,025%*)

Ô nhiễm do khí thải của các phương tiện và máy móc khi thi công cùng với việc tăng cường máy móc xây dựng làm gia tăng lượng khí thải độc hại thải ra từ các động cơ như các khí: CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>... Loại ô nhiễm này thường không lớn, do phân tán trong môi trường khu vực Dự án rộng, nhưng nó lại gây ảnh hưởng tới sức khoẻ của công nhân đang trực tiếp thi công.

Với kết quả tính toán như trên, nếu tất cả các máy móc thi công đồng thời cùng một lúc thì lượng khí thải ra môi trường không khí khá cao. Tuy nhiên, các máy móc và loại hình thi công công trình không diễn ra đồng thời cùng một thời điểm mà kéo dài trong vòng 3 tháng nên ảnh hưởng của khí thải từ các thiết bị thi công và từ phương tiện vận tải đến môi trường chỉ mang tính cục bộ, nhất thời. Tác động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân đang làm việc trên công trường thi công, do đó chủ đầu tư phải có biện pháp kiểm soát tác động này.

**a.2. Bụi từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu và thi công công trình**

Lượng bụi phát thải do các hoạt động phá dỡ công trình cũ và xây dựng phụ thuộc trực tiếp vào khối lượng phá dỡ, diện tích mặt bằng xây dựng và mức độ triển khai các hoạt động xây dựng.

Tải lượng bụi do hoạt động xây dựng được tính theo hệ số phát thải bụi theo (Air chief). Hệ số phát sinh bụi khi xây dựng là E = 2,69 tấn/ha/tháng xây dựng, tương đương khoảng 0,213 mg/m<sup>2</sup>.s.

Hoạt động xây dựng sẽ phát sinh lượng bụi trong suốt thời gian thi công 3 tháng (mỗi tháng làm việc 26 ngày, 1 ca/ngày, 8h/ca).

Để tính toán phạm vi ảnh hưởng của hoạt động xây dựng ta sử dụng mô hình nguồn mặt theo công thức tính nồng độ bụi như sau:

$$C = (10^3 \cdot E_s \cdot L) / U \cdot H$$

Trong đó:

- C - là nồng độ bụi phát sinh, µg/m<sup>3</sup>

- $E_s$  - Hệ số phát thải bề mặt ( $E_s = 0,213 \text{ mg/m}^2 \cdot \text{s}$ )
- $L = 250 \text{ m}$ ,  $U = 1,3 \text{ m/s}$
- $H$  - Chiều cao xáo trộn, m

Thay các giá trị vào công thức này tính được nồng độ bụi trung bình trên toàn bộ khu vực dự án với những độ cao khác nhau như sau:

**Bảng 4.6. Nồng độ bụi trung bình trên toàn bộ khu vực dự án ở các độ cao khác nhau**

STT	Chiều cao xáo trộn (m)	Nồng độ bụi ( $\mu\text{g/m}^3$ )
1	50	421,05
2	100	210,55
3	120	140,35
4	200	105,25
5	220	95,7
<b>QCVN 05:2013/BTNMT</b>	<b>Trung bình 1h</b>	<b>300</b>
	<b>Trung bình 24h</b>	<b>200</b>

**Nhận xét:** Với kết quả tính toán định lượng như trên, kết quả thu được so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT cho thấy: nồng độ bụi ở độ cao dưới 100m vượt giới hạn cho phép.

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển còn có khả năng gây ô nhiễm nguồn nước trong khu vực quanh dự án, tác động tới sức khỏe của công nhân thi công, ảnh hưởng đến hệ thực vật như: bụi bám vào bề mặt lá cây làm giảm khả năng hô hấp và quang hợp của thực vật, dẫn đến cây còi cọc, lá vàng úa, giảm năng suất của cây trồng.

## **b. Nước thải**

### **b.1. Nước thải sinh hoạt**

Nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực thi công là nguyên nhân chính gây ảnh hưởng đến chất lượng nước khu vực xung quanh. Nước thải này chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

Trong giai đoạn xây dựng, có tối đa 10 công nhân làm việc. Do công nhân chủ yếu là dân địa phương, cuối ngày về sinh hoạt tại gia đình nên theo tiêu chuẩn cấp nước quy định tại TCXDVN 33:2006, tiêu chuẩn sử dụng nước cho mỗi công nhân là 70 lít/ngày. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng là:

$$Q_{sh} = 10 \text{ người} \times 70 \text{ lít/người/ngày} / 1000 = 0,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Ước tính lượng nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ là:

$$Q_{th} = 0,7 \times 100\%/1000 = 0,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Theo “Báo cáo hiện trạng nước thải đô thị - Viện KHCNMT-ĐH Bách Khoa-HN”, khối lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt do mỗi người đưa vào môi trường hàng ngày nếu không xử lý được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 4.7. Khối lượng các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt**

TT	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	45 - 54
2	COD	72 - 86,4
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	70 - 145
4	Dầu mỡ	10 - 30
5	Tổng N	6 - 12
6	Tổng P	2,8 - 4,0
7	Tổng Coliform (MPN/100ml)	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng nước thải đô thị - Viện KHCNMT-ĐHBK-HN)

Dựa vào bảng trên, khối lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được tính như sau:

**Bảng 4.8. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt**

TT	Chất ô nhiễm	Thải lượng (kg/ngày)	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	BOD <sub>5</sub>	0,45 - 0,54	642 - 771	50
2	COD	0,72 - 0,864	1028 - 1234	-
3	SS	0,7 - 1,45	1000 - 2071	100
4	Dầu mỡ	0,1 - 0,3	142 - 428	20
5	Tổng N	0,06 - 0,12	85 - 171	50
6	Tổng P	0,028 - 0,04	4 - 57	10
7	Tổng Coliform (MPN/100ml)	5x10 <sup>4</sup> - 5x10 <sup>7</sup>	5x10 <sup>4</sup> - 5x10 <sup>7</sup>	5.000

Kết quả tính toán ở bảng trên cho thấy, nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý có nồng độ các chất ô nhiễm cao hơn nhiều so với QCVN 14:2008/BTNMT (cột B). Đây là nguồn ô nhiễm đáng kể, nếu không được thu gom xử lý mà thải trực tiếp và nguồn tiếp nhận sẽ gây các tác động trực tiếp đến môi trường sống người dân khu vực dự án

## b.2. Nước thải từ quá trình xây dựng

Nước thải của quá trình thi công xây dựng phát sinh trong quá trình đổ bê tông và rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng vào cuối ngày thi công, đặc trưng của loại nước thải này là có độ pH cao. Hiện tại chưa có định mức để tính toán lượng nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng. Lượng nước thải này ước tính phát sinh khoảng 01 m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải từ quá trình xây dựng tuy không lớn nhưng chứa nhiều cặn lơ lửng, vôi vữa, xi măng, có độ pH cao. Tác động này được đánh giá ở mức trung bình và có thể kiểm soát được bằng các biện pháp kỹ thuật.

### **b.3. Nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn sinh ra do lượng nước mưa rơi trên mặt bằng khu vực Dự án. Khi nước mưa chảy tràn qua khu vực công trường có chứa các chất gây ô nhiễm dầu mỡ, cát, sạn, xi măng, gỗ vụn,... hay khu vực có chứa chất thải sinh hoạt không được che chắn kỹ sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm và trở thành nguồn nước gây ô nhiễm đến nước mặt, môi trường đất và ngấm xuống đất gây ô nhiễm nguồn nước ngầm trong khu vực.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn được ước tính cho lượng mưa lớn nhất theo ngày. Áp dụng công thức tính:

$$Q_{\text{mưa}} = 0,278 \times K \times I \times A \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn (m<sup>3</sup>/ngày);

K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất;

I: Cường độ mưa (m/ngày).

#### ***Dữ liệu tính toán:***

1. Hệ số chảy tràn chọn K = 0,6.
2. Lượng mưa của ngày cao nhất theo tài liệu của Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ, lượng mưa cao nhất là 221,3 mm (tháng 8/2020).
3. Diện tích dự án là A = 1.108,6m<sup>2</sup>.

Kết quả tính toán như sau:

$$Q_{\text{min}} = 0,278 \times 0,6 \times 0,221 \times 1.108,6 = 40,87 \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}$$

Như vậy, lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án tính tối đa có thể đạt khoảng 40,87 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trên toàn khu vực dự án.

### **c. Chất thải rắn**

#### **c.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh không đáng kể. Do công nhân là người địa phương, không ở lại nên lượng chất thải rắn phát sinh khoảng: 10 người x 0,2 kg/người/ngày = 2,0 kg/ngày.

Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: bao bì có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, bìa carton,...

- Chất thải thực phẩm: rau, củ quả, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn sinh hoạt khác.

Tuy nhiên, phần lớn công nhân làm việc là người dân địa phương, trưa và tối về sinh hoạt tại gia đình, do đó khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh có thể nhỏ hơn nhiều so với tính toán.

### **c.2. Chất thải rắn xây dựng**

Quá trình thi công xây dựng sẽ phát sinh các chất thải xây dựng như:

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện hữu: tổng diện tích công trình phá dỡ 167m<sup>2</sup>, tổng chu vi xây dựng theo diện tích sàn khoảng 85m, chiều cao trung bình 3m, chiều dày tường và sàn trung bình 0,25m. Căn cứ hiện trạng công trình, khối lượng tháo dỡ như sau: tháo dỡ kết cấu bê tông, gạch với khối lượng 61,4m<sup>3</sup> tương đương 122,8 tấn.

- Chất thải rắn từ quá trình đào hố móng: đất đá do đào móng để thi công xây dựng các công trình có khối lượng không đáng kể. Trong trường hợp có phát sinh sẽ được tập kết và được đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- Chất thải rắn trong quá trình xây dựng công trình chủ yếu là: bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá vụn, sắt thép vụn,... Khối lượng các chất thải rắn này phát sinh phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong quá trình xây dựng và chế độ quản lý dự án, nguồn cung cấp vật liệu xây dựng... Theo thống kê của Trung tâm Công nghệ môi trường - ENTEC (2009), tỷ lệ vật liệu trong xây dựng bị hao hụt và chuyển thành dạng chất thải trong hoạt động thi công khoảng 0,05% của nguyên vật liệu thi công:  $1.082 \times 0,05\% = 0,54$  tấn/cả quá trình xây dựng.

### **c.3. Chất thải nguy hại**

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ, vỏ thùng sơn... phát sinh từ khu dự án. Khối lượng phát sinh nguồn này khoảng 4-5 kg/tháng.

Các loại chất thải tuy không lớn nhưng nếu không có biện pháp quản lý, xử lý thích hợp cũng sẽ gây tác động xấu đến môi trường đất, nước, không khí: dầu mỡ dính trong vỏ hộp có thể thấm nhập vào đất làm ô nhiễm đất và nước ngầm. nếu không được thu gom và xử lý sẽ phát sinh ra axit, các kim loại nặng và khí độc ảnh hưởng đến chất lượng đất, nước và sức khỏe công nhân trên công trường.

#### **1.1.3. Tác động không liên quan đến chất thải**

##### **a. Tiếng ồn**

Tiếng ồn do hoạt động xây dựng chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công (máy xúc, máy trộn bê tông, xe tải,...). Mức ồn các máy móc, thiết bị dự báo phát sinh như sau:

**Bảng 4.9. Mức ồn tối đa của các máy móc, thiết bị**

TT	Các phương tiện	Mức ồn cách nguồn 1,5m (dBA)	
		Khoảng	Trung bình
1	Máy ủi	79 ÷ 93	86,0
2	Máy xúc	81,0 ÷ 97,0	89,0
3	Xe tải	82,0 ÷ 94,0	88,0
4	Máy phát điện	71,0 ÷ 82,5	77,2
5	Máy trộn bê tông	75,0 ÷ 88,0	81,5
<b>QCVN 26:2010/BTNMT (6 ÷ 21h) khu vực thông thường</b>		<b>70 dBA</b>	

*(Nguồn: GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, 2003)*

Mức ồn cũng như mức độ ảnh hưởng sẽ giảm dần theo sự tăng dần của khoảng cách từ nguồn ồn và có thể dự báo nhờ công thức:

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c \text{ (dB}_A\text{)}$$

Trong đó:

$L_i$  : mức ồn tại điểm tính toán cách nguồn gây ồn khoảng cách  $d$  (m)

$L_p$  : mức ồn đo được tại nguồn điểm gây ồn (cách 1,5m)

$\Delta L_d$ : mức ồn giảm theo khoảng cách  $d$  ở tần số  $i$

$$\Delta L_d = 20 \lg \left\{ \left( \frac{r_2}{r_1} \right)^{1+a} \right\}$$

$r_1$ : khoảng cách tới nguồn gây ồn ứng với  $L_p$  (m)

$r_2$ : khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn theo khoảng cách ứng với  $L_i$  (m)

$\Delta L_c$  : độ giảm mức ồn qua vật cản (khu vực dự án có địa hình rộng thoáng và hầu như không có vật cản nên  $\Delta L_c$  được xem như bằng 0).

Từ các công thức trên, chúng ta có thể tính toán được mức ồn trong môi trường không khí xung quanh. Kết quả tính toán được thể hiện như sau:

**Bảng 4.10. Mức ồn của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới theo khoảng cách**

Loại thiết bị	Mức ồn dB	Tiếng ồn giảm theo khoảng cách $r_2$ (m)								
		5	10	15	20	25	30	40	50	60
Máy ủi	93	85	79	75,5	73	71,1	69,5	68,1	67	66
Máy xúc	97	89	83	79,5	77	75,1	73,5	72,1	71	70
Xe tải	96	88	82	78,5	76	74,1	72,5	71,1	70	69



Loại thiết bị	Mức ồn dB	Tiếng ồn giảm theo khoảng cách r2 (m)								
		5	10	15	20	25	30	40	50	60
Máy phát điện	82,5	74,5	68,5	65	62,5	60,6	59	57,6	56,5	55,5
Máy trộn bê tông	88	80	74	70,5	68	66,1	64,5	63,1	62	61
<b>QCVN 26/2010/BTNMT:</b> Tiếng ồn khu vực thông thường: 70 dBA (6-21h) và 55dBA (21-6h)										

Như vậy, qua bảng dự báo mức ồn của các phương tiện cho thấy, tiếng ồn phát sinh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cán bộ công nhân làm việc tại khu vực xây dựng bán kính 20m. Từ khoảng cách lớn hơn 60m so với điểm phát sinh tiếng ồn thì mức ồn đạt ngưỡng GHCP của QCVN 26:2010/BTNMT. Do đó, tác động tiếng ồn đến khu vực xung quanh là không đáng kể.

### b. Độ rung

Rung động trong quá trình thi công chủ yếu là do hoạt động của các loại máy móc thi công san lấp, vận chuyển nguyên vật liệu. Theo số liệu đo đạc thống kê, mức rung của các thiết bị thi công trong bảng sau:

**Bảng 4.11. Mức rung của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới theo khoảng cách**

TT	Thiết bị thi công	Mức rung cách máy 10m	Mức rung cách máy 30m	Mức rung cách máy 60m
1	Máy ủi	79	69	59
2	Máy khoan	75	65	55
3	Máy trộn bê tông	76	66	56
4	Máy phát điện	82	72	62
5	Xe tải	74	64	54
<b>QCVN 27: 2010/BTNMT</b>		<b>75</b>		

Đối với các vị trí cách nguồn 50m thì mức rung đều nhỏ hơn 75dB (nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - áp dụng với hoạt động xây dựng). Do đó, tác động này được đánh giá ở mức độ nhẹ.

## 1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

### 1.2.1. Về nước thải

#### a. Nước thải sinh hoạt

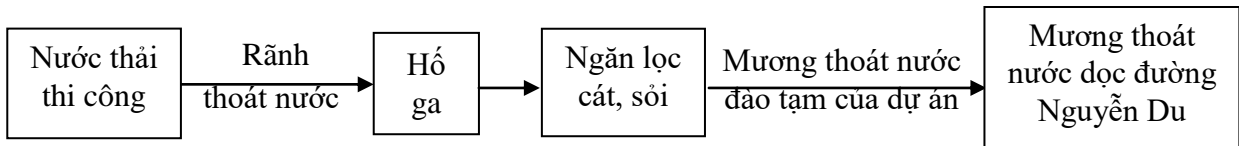
- Chủ đầu tư thuê lắp đặt 1 nhà vệ sinh di động tại công trường, gần lán trại ở của công nhân. Chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 3 tháng/lần thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Ưu tiên sử dụng công nhân địa phương, có thể tự túc chỗ ăn ở để hạn chế lượng nước thải phát sinh.

- Hiệu quả của biện pháp: khi áp dụng các biện pháp nêu trên thì mức độ tác động của nước thải sinh hoạt đến các thành phần môi trường xung quanh được giảm đi đáng kể.

#### **b. Nước thải từ quá trình xây dựng**

- Nước thải xây dựng chủ yếu là nước vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, nước rửa bánh xe ra và dự án theo các đường rãnh thoát nước rồi lắng cặn trước khi thoát ra theo mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du.



**Hình 4.1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải thi công**

#### **c. Nước mưa chảy tràn**

- Đào tạm các mương thoát nước quanh khuôn viên dự án. Mục đích các hố thu là để xử lý sơ bộ nước mưa chảy tràn bằng phương pháp lắng cơ học để tách các chất rắn cuốn theo trước khi đổ ra hệ thống thoát nước dọc đường Nguyễn Du, hạn chế được hiện tượng bồi lắng.

- Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vãi làm tắc nghẽn đường thoát thải.

- Nghiêm cấm vứt rác bừa bãi, che chắn nguyên vật liệu tránh bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình thi công các công trình của dự án.

### **1.2.2. Về chất thải rắn**

#### **a. Chất thải xây dựng**

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình được tận dụng san nền dự án.
- Chất thải rắn như vôi, vữa, gạch vỡ được thu gom tập trung và phân loại để có thể tái sử dụng hoặc sử dụng đắp đường...
- Bao bì xi măng, kim loại vụn, bìa carton sẽ được tận thu để bán phế liệu.
- Lượng rác thải còn lại không có khả năng tái chế cùng Chủ dự án sẽ hợp đồng với hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

#### **b. Chất thải rắn sinh hoạt**

- Ưu tiên công nhân địa phương để hạn chế lượng chất thải sinh hoạt phát sinh.
- Phổ biến cho công nhân các quy định vệ bảo vệ môi trường.
- Bố trí 03 thùng rác loại 60l có nắp đậy, có dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:
  - + Đối với chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế: có nguồn gốc từ kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy loại, bao bì carton được thu gom cho vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu.

+ Đối với chất thải thực phẩm như rau, củ quả, thức ăn thừa được thu gom vào thùng rời chuyên giao cho các hộ gia đình làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ Đối với chất thải sinh hoạt khác (không có thể tái sử dụng, tái chế) thì thu gom vào thùng đựng hợp vệ sinh và định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong công trường xây dựng.

### **c. Chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại giai đoạn này chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng... sẽ được phân loại, thu gom vào các thùng composit có nắp đậy đặt tại khu vực lưu chứa, có mái che.

Chủ dự án sẽ quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **1.2.3. Về bụi, khí thải**

#### **a. Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu**

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu đến khu vực dự án đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo “TCVN 6438 - 2001. Phương tiện giao thông đường bộ. Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải”.

- Ưu tiên lựa chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực Dự án để giảm quãng đường vận chuyển cũng như nguy cơ xảy ra sự cố.

- Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người và phương tiện qua lại cao như giờ tan tầm...

- Xe chở vật liệu phủ bạt kín thùng xe, chở đúng trọng tải và chạy đúng tốc độ, nguyên vật liệu đều không được chở vượt quá thùng xe và có bạt che phủ.

#### **b. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ khí thải từ máy móc thiết bị**

- Kiểm tra tất cả các máy móc, thiết bị tại hiện trường, thực hiện điều chỉnh và sửa chữa cần thiết đáp ứng yêu cầu đảm bảo môi trường và yêu cầu an toàn khi thi công.

- Phân phối lượng xe vận chuyển ra vào khu vực dự án, điều tiết các máy móc làm việc phù hợp tránh cộng hưởng làm tăng nồng độ các chất ô nhiễm không khí. Ngoài ra khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải cũng chứa các chất ô nhiễm như bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub>, VOC... Để giảm thiểu sự phát thải chất ô nhiễm từ nguồn thải này chủ đầu tư sẽ lựa chọn đơn vị thi công có năng lực và thiết bị hiện đại nhằm hạn chế đến mức thấp nhất lượng khí thải phát sinh.

- Chủ dự án và nhà thầu thi công sắp xếp, bố trí thời gian, phân luồng, bố trí máy móc thi công hợp lý trong quá trình xây dựng.

- Đặt biển cảnh báo khu vực thi công, khu vực nguy hiểm.

**c. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình phá dỡ công trình cũ, thi công xây dựng trên công trường thi công**

- Tưới ẩm công trình trước khi phá dỡ.

- Không tiến hành phá dỡ khi trời gió lớn.

- Sử dụng trang thiết bị, máy móc đã qua đăng kiểm định kỳ.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc và thiết bị xây dựng để giảm tối đa lượng khí thải ra.

- Tất cả các công nhân xây dựng phải được trang bị bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay, mũ bảo hộ, áo bảo hộ lao động... khi làm việc trên công trường;

- Bố trí khu vực vệ sinh bánh xe phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

**1.2.4. Về tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị giảm thanh (như ống xả...) trên các phương tiện thi công nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực công trình, dân cư lân cận.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc trực tiếp với các máy móc, phương tiện phát sinh độ ồn lớn như: máy trộn bê tông, xe ủi...

**1.2.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác**

**a. Giảm thiểu tác động đến môi trường kinh tế, xã hội**

- Ưu tiên tuyển chọn công nhân ở gần khu vực dự án để giảm lại lượng công nhân ở trong lán trại của khu vực dự án.

- Xử lý nghiêm các hành vi gây rối mất trật tự trong quá trình thi công, làm ảnh hưởng chung đến tiến độ của dự án.

**b. Giảm thiểu tác động đến an toàn giao thông khi xây dựng**

- Đơn vị vận chuyển cam kết thực hiện đúng luật an toàn giao thông, trong quá trình thực hiện phải được ký kết hợp đồng đảm bảo tiến độ và an toàn.

- Bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý, điều tiết các phương tiện giao thông ra vào dự án hợp lý, tránh tập kết xe nguyên vật liệu vào các giờ cao điểm để tránh ùn tắc giao thông.

- Đặt các biển báo hiệu khu vực thi công để mọi người tham gia giao thông giảm tốc độ và chú ý khi đi qua khu vực này.

- Trong trường hợp có hiện tượng ách tắc giao thông thì phối hợp đơn vị có chức năng phân luồng và hướng dẫn xe di chuyển.

### **c. Giảm thiểu tác động đến các công trình xung quanh**

- Quá trình thi công xây dựng hạn chế các tác động của tiếng ồn, độ rung để giảm thiểu việc ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt của khu dân cư xung quanh.

- Sử dụng biện pháp, biển báo ngăn cách khu vực thi công với các khu vực khác của dự án.

- Vệ sinh mặt bằng cuối ngày làm việc trên công trường, có giải pháp che chắn nguyên vật liệu.

## **1.2.6. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động do rủi ro, sự cố**

### **a. Sự cố an toàn lao động**

- Khu vực thi công xây dựng phải có hàng rào cô lập với các khu vực khác và khu dân cư, chỉ cho phép người có nhiệm vụ ra/vào công trường. Lắp đặt các biển báo hiệu khu vực công trường.

- Xây dựng và ban hành các nội quy làm việc tại công trường, bao gồm nội quy ra, vào làm việc tại công trường, nội quy về trang phục bảo hộ lao động;

- Công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động; có đầy đủ trang thiết bị an toàn và phòng chống sự cố trong trường hợp khẩn cấp như bình ôxy, cabin, bình cứu hoả,...

- Lắp đặt các tấm lưới theo các tầng thi công để hạn chế gạch đá rơi vãi,...

- Công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị thi công được thực hiện qua đào tạo, thực hành theo các nguyên tắc vận hành và bảo trì kỹ thuật.

### **b. Sự cố cháy nổ và phòng chống sét**

#### **b.1. Phương án phòng chống sự cố cháy nổ**

- Chủ đầu tư yêu cầu các đơn vị thi công tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành về vận chuyển, lưu giữ và quản lý tốt các vật liệu dễ cháy nổ trên công trường xây dựng.

- Xây dựng và ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy.

- Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở an toàn về điện trong thi công và sự tiếp đất của hệ thống, các thiết bị dùng điện.

- Chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện chống cháy như nước, bơm, bình khí CO<sub>2</sub>... để kịp thời chữa cháy khi có hoả hoạn xảy ra.

- Thiết kế thiết bị tự động ngắt điện cầu dao tổng.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và đưa các giải pháp ứng cứu, xử lý kịp thời.

- Trường hợp khi có sự cố cháy nổ xảy ra, cần phải báo ngay cho lực lượng PCCC của khu vực.. Thực hiện các biện pháp chữa cháy tại chỗ như bình cứu hoả,

cát...trong lúc chờ lực lượng PCCC đến. Trường hợp nếu có người bị thương thì sẽ lập tức đưa ngay đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu.

**b.2. Phương án phòng chống sét**

- Đối với công trình đang thi công: lắp đặt công trình chống sét tạm thời có chiều cao lớn hơn chiều cao công trình đang thi công, với hệ thống kim thu sét, dây dẫn và hệ thống tiếp địa có khả năng dẫn điện tốt hơn khả năng dẫn điện của công trình như: thép mạ đồng, đồng thau, hoặc inox... để phòng chống sét cho công trình đang thi công.

- Không thi công vào những ngày trời có giông để hạn chế sét đánh ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng của công nhân cũng như công trình.

**2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

**2.1. Đánh giá, dự báo các tác động**

**2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải**

Trong quá trình hoạt động của dự án sẽ phát sinh chất thải từ các nguồn sau:

**Bảng 4.12. Nguồn gây ô nhiễm có liên quan đến chất thải giai đoạn hoạt động**

TT	Các loại chất thải	Nguồn gây ô nhiễm	Thành phần của các chất gây ô nhiễm
1	Nước thải	Nước mưa chảy tràn	Chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân huỷ, cặn lơ lửng, dầu mỡ, vi khuẩn.
		Nước thải sinh hoạt CBCNV, khách hàng, rửa xe	
2	Khí thải	Từ máy điều hòa, máy phát điện...	Tạo ra khí thải CO <sub>x</sub> , NO <sub>x</sub> , SO <sub>x</sub> , mùi, bụi
		Hoạt động phương tiện xuất nhập xăng dầu, hoạt động kinh doanh xăng dầu.	
3	Chất thải rắn	- Hoạt động kinh doanh dịch vụ của cửa hàng. - Hoạt động sinh hoạt của nhân viên và khách hàng.	Bao bì các loại, giấy loại, túi ni lông, các phần dư thừa của thực phẩm ...
4	Chất thải nguy hại	Hoạt động kinh doanh dịch vụ, sinh hoạt của CBCNV	Bóng đèn neon hỏng, giẻ lau, gang tay dính dầu, hộp mực in thải, dầu thải...

**a. Bụi và khí thải**

**a.1. Ô nhiễm bụi và khí thải từ hoạt động giao thông tại dự án**

Khi Dự án đi vào hoạt động, các phương tiện giao thông cũng sẽ là một nguồn phát sinh ô nhiễm do khí thải. Các loại phương tiện ra vào khu này bao gồm: xe ô tô, xe mô tô, xe tải ra vào tiếp nhiên liệu dự án...

Nồng độ các khí này phụ thuộc vào mật độ xe và chủng loại xe chạy qua khu vực.

**Bảng 4.13. Tải lượng ô nhiễm do các phương tiện giao thông**

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/km)	
		Xăng	Diezel
1	CO	60	0,69 - 2,57
2	VOC	5,9	0,14 - 2,07
3	NO <sub>x</sub>	2,2	0,68 - 1,02
4	Muội (C)	0,22	4,28
5	SO <sub>2</sub>	0,17	0,47
6	Chì (Pb)	0,49	-

(Nguồn: Ripid Environmental Assessment, WHO.1995)

Do lưu lượng xe ra vào dự án phân tán, không diễn ra đồng thời và khu vực dự án rộng, thoáng đãng, xung quanh khu Dự án trồng một số loại cây, có thông gió nên ảnh hưởng của loại ô nhiễm này là không đáng kể.

### **a.2. Khí thải từ máy phát điện**

Để ổn định cho hoạt động của khu dự án trong trường hợp mạng lưới có sự cố, chủ dự án sử dụng 1 máy phát điện dự phòng với công suất 20 KVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO.

Các loại khí thải trên đều có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi mất điện và các nguồn phát thải này không liên tục, không tập trung mà phân bố rải rác trong không gian rộng thoáng nên lượng khí thải phát sinh sẽ được pha loãng trong không khí, vì vậy nồng độ các khí độc hại này trong môi trường sẽ không lớn nên yếu tố này được đánh giá ở mức độ trung bình, ít ảnh hưởng đến khu vực cộng đồng dân cư xung quanh.

### **a.3. Khí thải từ hoạt động xuất nhập xăng dầu và kinh doanh xăng dầu**

Hơi xăng dầu phát sinh từ quá trình nhập xuất, lưu giữ xăng dầu là tác động chính gây ô nhiễm môi trường không khí tại cửa hàng xăng dầu. Ngoài ra, tại dự án còn phát sinh khí thải giao thông và khí thải từ hoạt động của máy phát điện.

## **b. Chất thải rắn**

### **b.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

Nguồn chất thải rắn của Dự án khi đi vào hoạt động chủ yếu là rác thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên dự án và khách hàng. Thành phần gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, giấy vụn), chất thải thực phẩm (rau, củ, quả, thức ăn thừa), chất thải rắn sinh hoạt khác (nilon, vỏ chai thủy tinh).

Theo giáo trình “Quản lý chất thải rắn” - NXB Xây dựng - GS.TS Trần Hiếu Nhuệ, chất thải rắn sinh hoạt tính bình quân cho một người ở Việt Nam từ 0,5 –1 kg/người/ngày. Ta lấy định mức rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,5kg/ngày đối với cán bộ nhân viên (10 người), 0,05 kg/ngày đối với khách hàng (60 người), thì tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 8kg/ngày, tương đương với 240 kg/tháng.

Rác thải sinh hoạt với thành phần hữu cơ phân hủy nhanh, trong điều kiện khí hậu nóng ẩm tại địa phương, gây mùi hôi thối khó chịu. Đặc biệt vào mùa mưa, các vị trí thu gom rác không được che chắn thì sẽ bị nước mưa ngấm vào rác và chảy tràn ra mặt đất gây ô nhiễm môi trường, làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước mưa, nước thải và ảnh hưởng tới CBCNV và khách hàng. Dự báo tác động này ở mức tác động trung bình nếu không có các biện pháp giảm thiểu hợp lý.

### **b.2. Chất thải rắn nguy hại**

Chất thải nguy hại (CTNH) trong giai đoạn hoạt động của Dự án bao gồm: bóng đèn hỏng, mực in,... với khối lượng ước tính khoảng 12 kg/tháng.

Các loại CTNH trên nếu không được thu gom hợp lý và hợp đồng với các đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý sẽ gây ô nhiễm môi trường khu vực Dự án và các vùng lân cận, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

**Bảng 4.14. Danh mục CTNH dự kiến của dự án trong tháng**

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái</b>	<b>Khối lượng (kg)</b>	<b>Mã chất thải</b>
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	1	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1	16 01 06
3	Hộp mực in thải	Rắn	0,5	18 02 04
4	Cặn bản sục, vết bề xăng dầu	Rắn	2,5	19 07 01
5	Dầu thải	Lỏng	5	17 02 04
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	2	18 01 03
<b>Tổng</b>			<b>12</b>	

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **c. Nước thải**

#### **c.1. Nước thải sinh hoạt**

- Khi Dự án đi vào hoạt động, nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng. Căn cứ nhu cầu sử dụng nước của dự



án được tính toán tại chương I. dự kiến lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực dự án là 5,1 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

- Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là hàm lượng chất hữu cơ rất cao, dao động từ 50-55%, trong nước thải sinh hoạt chứa nhiều vi sinh vật, trong đó có vi sinh vật gây bệnh. Đồng thời, trong nước thải sinh hoạt còn chứa nhiều vi khuẩn phân hủy chất hữu cơ, cần thiết cho các quá trình chuyển hóa các chất bẩn trong nước thải.

**Bảng 4.15. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt hàng ngày**

TT	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)	Thải lượng (kg/ngày)	Nồng độ (mg/l)
1	BOD <sub>5</sub>	45 - 54	3,6 - 4,32	818- 981
2	COD	72 - 86,4	5,76 - 6,91	1309 - 1569
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	70 - 145	5,6 - 11,6	1272 - 2636
4	Dầu mỡ	10 - 30	0,8 - 2,4	181- 545
5	Tổng N	6 - 12	0,48 - 0,96	109 - 218
6	Tổng P	2,8 - 4,0	0,22- 0,32	48 - 72
7	Tổng Coliform (MPN/100ml)	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng nước thải đô thị - Viện KHCNMT - ĐH Bách Khoa-HN)

Kết quả ở bảng trên cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt là rất cao. Nước thải không xử lý có thể là nguồn gây bệnh truyền nhiễm đối với cán bộ nhân viên, khách hàng của dự án và dân cư khu vực lân cận, đặc biệt là gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

### **c.2. Nước thải từ hoạt động xăng dầu**

Hoạt động kinh doanh xăng dầu sẽ phát sinh nước thải nhiễm dầu từ quá trình súc rửa bồn bể xăng dầu, đường ống; nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu; nước mưa chảy tràn trên khu vực nền bãi có nhiễm dầu. Lượng nước thải này phát sinh không lớn, ước tính khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Tác động của nước thải nhiễm dầu: Làm thay đổi tính chất hóa lí của môi trường nước như tăng độ nhớt, giảm nồng độ oxy hấp thụ vào nước,... dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng đối với môi trường.

Nước nhiễm dầu khi chưa được xử lý mà thải ra môi trường sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các vi sinh vật, có thể gây chết đối với các sinh vật.

### **c.3. Nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu**

Lưu lượng nước mưa chảy tràn được ước tính cho lượng mưa lớn nhất theo ngày. Áp dụng công thức tính:

$$Q_{mưa} = 0,278 \times K \times I \times A \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn ( $m^3/ngày$ );

K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất;

I: Cường độ mưa ( $m/ngày$ ).

**Dữ liệu tính toán:**

1. Hệ số chảy tràn chọn  $K = 0,6$ .

2. Lượng mưa của ngày cao nhất theo tài liệu của Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ, lượng mưa cao nhất là 221,3 mm (tháng 10/2019).

3. Diện tích dự án là  $A = 1.108,6m^2$ .

Kết quả tính toán như sau:

$$Q_{\min} = 0,278 \times 0,6 \times 0,221 \times 1.108,6 = 40,87 \text{ (m}^3/ngày.đêm)$$

Như vậy, lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án tính tối đa có thể đạt khoảng 40,87  $m^3/ngày.đêm$  trên toàn khu vực dự án.

Khi đi vào hoạt động, hầu hết diện tích dự án đã được xây dựng, nước mưa rơi trên mái nhà tương đối sạch cho nên mức độ tác động của nước mưa là nhỏ. Nước mưa được thu gom và chảy trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực dự án.

**2.1.2. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải**

**a. Tác động do tiếng ồn, độ rung**

Quá trình hoạt động của dự án, tiếng ồn gây ra chủ yếu do các phương tiện đi lại của CBCNV trong dự án, khách đến mua hàng và các phương tiện giao thông vận chuyển ra vào Dự án. Ngoài ra, tiếng ồn còn phát sinh từ máy phát điện.

Tiếng ồn là nguồn gây ô nhiễm khá quan trọng trong hoạt động dự án. Tiếng ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người trực tiếp làm việc tại khu vực đó như mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu, giảm năng suất lao động.

Chủ dự án sẽ có những biện pháp khắc phục các nguồn gây ồn để đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Tuy nhiên, máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi mất điện và khu vực dự án có không gian thoáng nên tác động này được đánh giá ở mức độ nhỏ.

**b. Sự cố cháy nổ tại cửa hàng xăng dầu**

Tại khu vực dự án, có lượng xăng dầu lớn nên khả năng cháy nổ rất cao. Các nguyên nhân dẫn đến sự cố cháy nổ:

- Do thời tiết nắng nóng dễ bắt lửa cháy;
- Do sự cố hư hỏng đường ống dẫn;
- Do nhân viên bất cẩn, chủ quan cho các vật dễ cháy gần các cột bơm và kho chứa;

- Do người dân không am hiểu nên có hút thuốc, dùng điện thoại trong lúc mua hàng;

- Thời tiết sấm sét gây chập điện, cháy các đường dây dẫn điện lây lan qua cửa hàng xăng dầu.

Khi sự cố cháy, nổ xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của nhân viên của công ty, cũng như tính mạng của khách hàng và người dân xung quanh dự án. Chính vì vậy, công ty cần có các biện pháp phòng tránh và khắc phục khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

### **c. Sự cố tràn dầu tại cửa hàng**

Xăng, dầu tràn tại Cửa hàng dễ gây cháy nổ, đây là đặc điểm nguy hiểm tại cửa hàng kinh doanh dầu. Ngoài ra, còn có những chất cháy khác phát sinh trong quá trình sinh hoạt của các nhân viên và các loại phương tiện giao thông khi đến để giao dịch, xuất nhập khẩu xăng dầu, gây nên những thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế và ảnh hưởng đến tính mạng con người.

Xăng, dầu là một dạng gây ô nhiễm đặc biệt vì nó không trộn lẫn được với nước và có trọng lượng riêng nhẹ hơn nước. Do đó, tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu, dầu khi bị tràn gặp các trận mưa sẽ tạo ra một vệt dầu loang trôi trên bề mặt nước, chảy vào các hệ thống cống rãnh, ao hồ và sông suối, làm ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước và từ đó làm ảnh hưởng các hệ sinh thái.

- Xăng, dầu tràn trong nước có thể ảnh hưởng đến các nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu, ảnh hưởng tới chăn nuôi, trồng trọt của người dân;

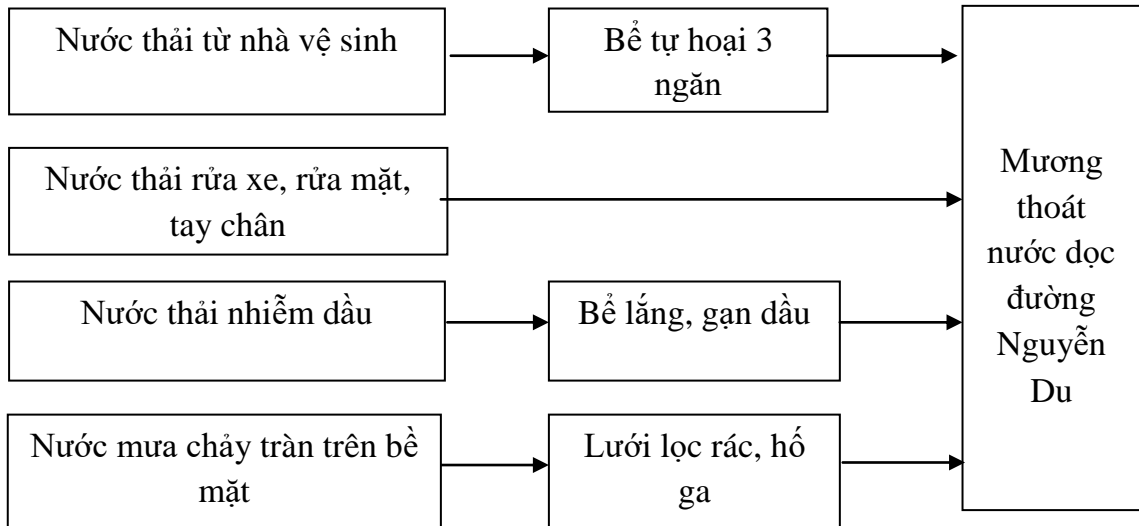
- Xăng, dầu gây ô nhiễm môi trường làm cá chết hàng loạt do thiếu oxy hòa tan trong nước; xăng, dầu bám vào cá làm giảm giá trị sử dụng do gây mùi khó chịu, dầu có thể làm trứng mất khả năng phát triển, trứng có thể bị ung, thối;

- Nồng độ xăng, dầu trong nước đạt 0,1mg/l có thể gây chết các loài sinh vật phù du, ảnh hưởng tới con non và ấu trùng của các loài sinh vật. Xăng, dầu bám vào cơ thể hoặc sinh vật hấp thụ trong quá trình lọc nước làm giảm giá trị sử dụng.

## **2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện**

### **2.2.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động liên quan đến chất thải**

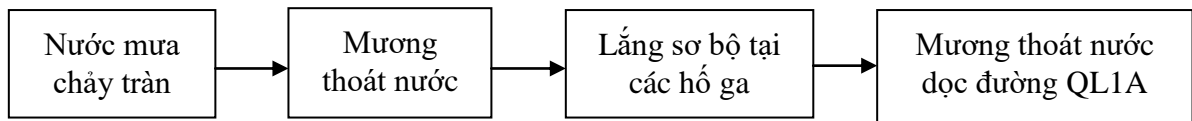
#### **a. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải**



**Hình 4.2. Phương án thu gom và xử lý nước thải của dự án**

**a.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn**

Thoát nước mưa theo các rãnh thoát nước BTCT, nền sân dự án có độ dốc ra hai bên và phía ngoài thoát nước. Thu gom nước mưa trên mái bằng sênô lắp ghép, phễu thu nước mưa trên mái các nhà làm việc vào hệ thống ống đứng HDPE.



**Hình 4.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa**

- Toàn bộ nước mưa của khu vực được lắng sơ bộ tại hố ga có tác dụng lắng đất, cát và các chất bẩn do nước mưa cuốn theo, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước khu vực.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước mưa và hố ga của hệ thống thoát nước mưa (3 tháng/lần). Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

**a.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt**

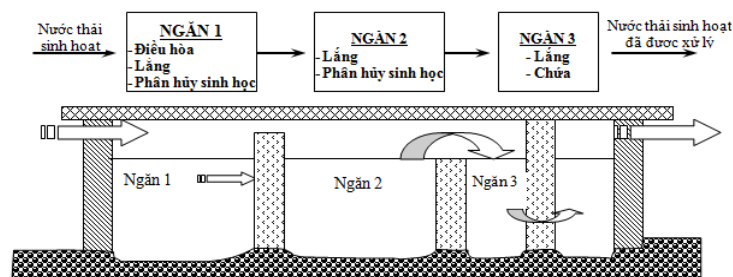
Hệ thống thoát nước thải thu gom tách biệt với hệ thống thoát nước mưa. Thoát nước thải sinh hoạt dùng ống nhựa PVC có đường kính D110. Nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn (bố trí bể tự hoại xây dựng âm dưới chân hạng mục công trình: nhà bán hàng, trưng bày sản phẩm, nghỉ ca + kho, máy phát); nước thải từ hoạt động rửa xe, rửa mặt, tay chân được thu gom chảy qua song chắn rác; nước thải nhiễm dầu được dẫn qua bể lắng gạn dầu để tách phần dầu trước khi ra hệ thống thoát nước dọc đường Nguyễn Du.

### **Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tại nguồn**

Nước thải sinh hoạt: được phân thành các dòng xử lý:

**Dòng thứ 1:** nước thải từ quá trình thải của con người (từ các nhà vệ sinh), nước thải này có hàm lượng BOD và COD cao: chủ đầu tư sẽ xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại được đầu tư xây dựng dưới hạng mục nhà bán hàng, trung bày sản phẩm, nghỉ ca + kho, máy phát của Dự án. Khoảng 6 tháng một lần hút bùn ra khỏi bể bằng cách thuê các phương tiện chuyên dụng nhưng để lại khoảng 20% để giúp cho việc lên men. Hiệu suất xử lý của bể tự hoại: khoảng 65%. Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại theo hệ thống thoát nước thải của Dự án, chảy ra mương nước dọc đường Nguyễn Du.

#### **Cấu tạo bể tự hoại**



**Hình 4.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt**

#### **Nguyên tắc hoạt động:**

Nước thải sinh hoạt từ các bệ xí, chậu tiêu của nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí (yếm khí) sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải qua bể tự hoại được lắng cặn và lên men (cặn lắng chủ yếu là chất hữu cơ không tan). Cặn lắng được giữ trong bể 6 tháng, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí cặn được phân hủy thành các chất khí và không hòa tan, nước được lưu từ 3-4 ngày đảm bảo xử lý hiệu quả.

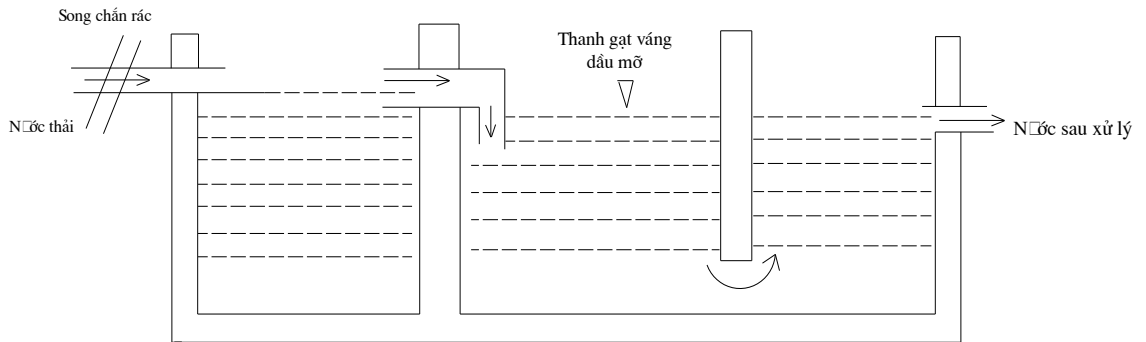
#### **Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:**

- + Bể tự hoại vận hành đơn giản;
- + Không tốn chi phí vận hành do không sử dụng điện năng, hóa chất,...
- + Yêu cầu kỹ thuật trong lắp đặt vận hành đơn giản.

**Dòng thứ 2:** nước thải sinh hoạt như rửa xe, rửa mặt, tay chân. Tất cả các loại nước thải này theo hệ thống và chảy ra mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du.

**Dòng thứ 3:** nước thải nhiễm dầu tại cửa hàng bao gồm nước vệ sinh nền bãi có dính dầu; Nước súc vét bể định kỳ (02 - 04 năm/lần).

Nước thải từ khu vực này thường có hàm lượng dầu tương đối cao. Do vậy trước khi thải ra mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du, loại hình nước thải này được xử lý qua hệ thống bể lắng gạn dầu để tách dầu và lắng cặn lơ lửng. Cấu tạo của bể này như sau:



**Hình 4.5. Sơ đồ bể lắng gạn nước thải nhiễm dầu**

Bể lắng gạn dầu nổi phía trên bề mặt, dựa trên sự chênh lệch tỷ trọng giữa xăng dầu và nước. Do dầu có tỷ trọng nhẹ hơn, luôn có xu hướng nổi lên trong nước với tốc độ phụ thuộc vào tỷ trọng, kích cỡ của hạt dầu; đồng thời lắng tách cặn dưới đáy, do tỷ trọng của cặn thường nặng hơn nước.

Bể lắng gạn dầu có 03 ngăn thông nhau. Ngăn đầu để tách rác, lắng cặn và điều chỉnh lưu lượng; ngăn 2 để tách dầu và tiếp tục lắng cặn; ngăn 3 chứa nước sau lắng tách trước khi xả ra ngoài bể. Dầu nổi lên mặt nước thải được tách ra và chảy vào ngăn đựng riêng. Tại dự án bố trí 02 bể lắng gạn dầu với thể tích mỗi bể 1,0m<sup>3</sup>.

Sau khi qua bể lắng gạn dầu đảm bảo xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp áp dụng cho kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu trong kinh doanh; các kho xăng dầu dự trữ quốc gia và các kho xăng dầu phục vụ An ninh quốc phòng), cột B (cửa hàng có dịch vụ rửa xe) trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du.

## **b. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải**

### **b.1. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, giao thông**

- Đề ra nội quy ra vào khu vực dự án đối với toàn thể nhân viên làm việc trong Cửa hàng.

- Nhân viên hướng dẫn khách hàng vị trí đỗ và dừng xe.

- Bố trí hợp lý hệ thống cây xanh xung quanh Cửa hàng, cạnh hàng rào để giảm thiểu khả năng phát tán của bụi và tiếng ồn. Tăng cường trồng cây xanh và thảm cỏ để tạo cảnh quan thân thiện môi trường. Đảm bảo độ che phủ cây xanh đạt 10-20% diện tích toàn khu.

- Bụi do các phương tiện vận chuyển trong khuôn viên cửa hàng do các phương tiện vận chuyển thô sơ như xe gắn máy, xe ô tô sẽ được khắc phục bằng cách phun ẩm đường nội bộ vào các thời điểm nắng nóng để giảm thiểu phát sinh bụi gây ô nhiễm.

## **b.2. Đối với khí thải và tiếng ồn của máy phát điện dự phòng**

- Để hạn chế tối đa khả năng tác động trực tiếp của khí thải máy phát điện đến môi trường và con người trong khu vực Dự án, Chủ đầu tư bố trí riêng vị trí đặt máy phát điện dự phòng;

- Máy phát điện cũng được lắp trên bệ bê tông vững chắc, có tường bao quanh để giảm tối đa tiếng ồn và độ rung.

## **b.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi xăng dầu**

- Cửa hàng thực hiện nhập xăng dầu bằng hệ thống nhập kín, hệ thống thu hồi hơi xăng dầu. Hệ thống nhập kín xăng dầu ngăn chặn được các nguy cơ mất an toàn trong quá trình nhập, xuất hàng và phát tán hơi xăng dầu ra môi trường xung quanh. Thời gian nhập hàng bằng hệ thống này thường nhanh so với phương pháp nhập hở.

- Bể luôn ở tình trạng kín, các thiết bị ở tình trạng hoạt động tốt;

- Quá trình nhập xuất xăng dầu luôn ở chế độ nhúng chìm;

- Các bể chứa đều được chôn ngầm, có đai cáp liên kết chắc chắn vào hệ thống dầm chống nổi bể;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những khe hở, những chỗ rò rỉ trên hệ thống ống dẫn để giảm thiểu lượng nhiên liệu thất thoát và bay hơi;

- Trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên tại khu vực bán xăng, dầu như khẩu trang, găng tay,... để hạn chế mùi và hơi xăng dầu.

Khu vực bể ngầm của cửa hàng được xây dựng như sau:

- Khu vực bể chứa xăng dầu ngầm có diện tích 63,2m<sup>2</sup>. Tại đây có 04 bể chứa ngầm, có hệ thống thu hồi hơi.

- Bể được chế tạo bằng thép tấm dày 04 - 06 mm, có vành tăng cứng bên trong, liên kết bằng hàn điện, bể có 01 cổ để bố trí hệ thống công nghệ xuất, nhập. Bể trước khi đưa vào sử dụng được thử kín, bền với áp lực 0,6 kg/m<sup>2</sup> theo quy định. Trước khi chôn, bể được sơn chống gỉ bằng nhựa đường số 04 đun sôi và bọc 02 lớp vải thủy tinh và 03 lớp nhựa đường.

- Khu vực bể chứa được xây dựng đảm bảo yêu cầu theo Mục 7 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4530:2011 về cửa hàng xăng dầu - yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Đồng thời bể chôn ngầm để đảm bảo an toàn PCCC, kết cấu các hạng mục công trình trong khu nhập dầu đều làm bằng vật liệu không cháy. Các bể chứa dầu đều được nối với van thở có bình ngăn tia lửa để đảm bảo an toàn khi xuất nhập và chống độc hại cho công nhân vận hành. Để đảm bảo ổn định bể chứa khi nhiệt độ môi trường và áp lực làm việc thay đổi mỗi bể chứa phải được bố trí một van thở kiểu CMK - 50 hoặc tương đương.

- Nền khu bê láng xi măng. Trên bề mặt có nắp đậy kín che mưa. Trong các hố ga bố trí các thiết bị công nghệ xuất, nhập, đường thở, đo bề thuận tiện cho việc thao tác vận hành. Khoảng 12 - 18 tháng, cửa hàng sẽ tiến hành vệ sinh bể chứa 01 lần.

- Khu vực này có 04 van thở, 04 họng nhập lần lượt cho cho 04 bể chứa.

\* Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu: phương pháp áp dụng để thực hiện và đã được cửa hàng thực hiện đầy đủ, đảm bảo quy định hiện hành; biện pháp sử dụng cây xanh trong khuôn viên để hạn chế ô nhiễm không khí là khá đơn giản, hiệu quả và tốn ít kinh phí. Cây xanh có tác dụng hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt. Ngoài ra còn tạo cảnh quan thoáng đãng trong khu vực dự án.

### **c. Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn**

#### **c.1. Chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải sinh hoạt của Dự án ước tính là 8 kg/ngày Chủ đầu tư sẽ tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn như sau:

- Đối với rác thực phẩm (thực phẩm, thức ăn thừa,...) được thải loại, bố trí 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, cho người dân trong vùng về làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm hoặc thu gom, xử lý cùng loại chất thải rắn sinh hoạt khác;

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế như: giấy vụn, nhựa vỏ bao bì... được thu gom vào 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, thu gom về kho chất thải đặt tại nhà bán hàng, trưng bày sản phẩm, định kỳ bán phế liệu.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác (không có khả năng tái chế) được thu gom vào 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, thu gom về kho chất thải và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

#### **c.2. Chất thải nguy hại**

- Chất thải nguy hại được thu gom, tập trung đúng nơi quy định, định kỳ thu gom 06 tháng/lần. Bố trí 03 thùng rác composite để chứa chất thải nguy hại có dung tích 60l.

- Chủ đầu tư sẽ thực hiện quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại dự án theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hướng dẫn để cán bộ nhân viên hiểu biết về CTNH, phân loại với chất thải sinh hoạt trong quá trình thu gom vận chuyển về khu vực lưu chứa khi phát sinh.

Phương pháp áp dụng để thực hiện, hiệu quả và tốn ít kinh phí. Rác thải sinh hoạt và CTNH sau khi thu gom và hợp đồng với các đơn vị xử lý sẽ giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường tự nhiên và xã hội khu vực Dự án.



### **2.2.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải**

#### **a. Giảm thiểu tiếng ồn**

Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau để khống chế tác động của tiếng ồn:

- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên dự án;
- Đối với máy phát điện: lắp đệm chống ồn, rung trong quá trình lắp máy phát điện, máy phát điện được đặt trong phòng máy phát điện có cách âm.

#### **b. Giảm thiểu sự cố cháy nổ tại cửa hàng xăng dầu**

Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp để phòng ngừa sự cố cháy nổ:

- Luôn thực hiện hệ thống nhập kín, hệ thống thu hồi hơi xăng dầu khi nhập xăng dầu để không cho hơi xăng dầu bay ra ngoài môi trường;

- Tất cả nhân viên của cửa hàng phải có chứng chỉ nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, chứng chỉ PCCC, được đào tạo huấn luyện phòng trừ các sự cố xảy ra;

- Lập biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (khu vực bể xăng dầu, vật tư dễ cháy nổ, trạm biến áp...); Đặt các biển báo cấm ở phía ngoài hành lang cửa hàng, tại các cột bơm xăng dầu để người mua hàng biết và thực hiện;

- Tiến hành nhập, xuất xăng dầu vào những ngày thời tiết mát mẻ, tránh nhập vào những ngày thời tiết nắng nóng, dễ bắt lửa cháy;

- Trang bị các bình chữa cháy, các chèn chiên, cát đặt ở khu vực khu vực nhiên liệu và nhà bán hàng; lắp đặt các vòi bơm có dây dẫn dài tại các dọc hàng rào bảo vệ của dự án;

- Mặt khác, trong quá trình làm việc, Công ty tiến hành ký hợp đồng lao động, đảm bảo chế độ lương, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động;

- Lập hồ sơ xin thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho dự án theo quy định hiện hành. Công ty cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được UBND tỉnh phê duyệt và định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, cập nhật các nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu về các cơ quan quản lý để tổng hợp theo dõi và quản lý.

#### **c. Giảm thiểu sự cố tràn dầu khu vực cửa hàng**

Để hạn chế sự cố tràn dầu khu vực cửa hàng, Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Luôn có nhân viên theo dõi quá trình bơm nhiên liệu có thể thực hiện tắt bơm ngay tức thời để dừng nguồn tràn dầu, đồng thời toàn bộ nền khu vực nhập xăng dầu đều được bê tông hóa tiện cho công tác cô lập, thu gom và không làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

- Bể chứa xăng dầu được đặt ngầm hoàn toàn, đồng thời bể được sơn chống gỉ bằng nhựa đường số 04 đun sôi và bọc 02 lớp vải thủy tinh và 03 lớp nhựa đường nên hạn chế được các rủi ro này.

- Hệ thống ống công nghệ tráng kẽm, liên kết ren, có các thiết bị đảm bảo an toàn và kín trong hệ hoạt động kinh doanh dầu như van đóng nhanh, van một chiều, van chặn, van Crêpin, ống công nghệ đi ngầm trong rãnh có nắp đậy kín bằng bê tông cốt thép đảm bảo tuyệt đối kín nhằm đảm bảo hạn chế tối thiểu các rủi ro.

#### **d. Giảm thiểu tai nạn giao thông trong khu vực dự án**

Để giảm thiểu khả năng xảy ra tai nạn giao thông trong lúc vận chuyển nhiên liệu Công ty thực hiện các biện pháp như sau:

- Kiểm tra thường xuyên các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm về tính năng kỹ thuật, phanh xe, lốp xe....

- Vận hành phương tiện ở chế độ an toàn, đảm bảo chạy đúng tốc độ theo quy định.

- Phương tiện vận chuyển nhiên liệu phải theo đúng trọng tải quy định.

- Lắp đặt biển chỉ dẫn, biển báo giảm tốc độ khi ra vào dự án.

- Tạo lối đi thông thoáng, không đặt nhiều vật cản gây hạn chế tầm nhìn.

- Lắp đặt đèn chiếu sáng đường giao thông nội bộ trong khu vực dự án khi hoạt động vào buổi tối.

### **3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

#### **3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được tổng hợp trong bảng sau:

**Bảng 4.16. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

TT	Chất thải phát sinh	Biện pháp thực hiện
<b>I. Giai đoạn thi công xây dựng</b>		
1	Nước thải	
	Nước thải sinh hoạt	- Nhà vệ sinh di động - Hệ thống thoát nước tạm - Hồ lắng nước thải
	Nước mưa	- Đào rãnh thoát nước mưa tạm thời.
2	Bụi, khí thải	- Lập phương án thi công hợp lý, tiến hành thi công đồng bộ. - Tưới ẩm khu vực xây dựng và đường giao thông. - Phủ bạt kín xe vận tải.

TT	Chất thải phát sinh	Biện pháp thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo dưỡng máy móc.</li> <li>- Che chắn các bãi chứa vật liệu</li> <li>- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công</li> <li>- Vệ sinh mặt bằng cuối ngày làm việc.</li> </ul>
3	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí các thùng rác đúng quy định để thu gom chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.</li> <li>- Chất thải có thể tái chế được thu gom, bán phế liệu.</li> <li>- Chất thải không thể tái chế được vận chuyển, đổ thải theo đúng quy định.</li> </ul>
4	Tiếng ồn, độ rung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị giảm thanh trên các phương tiện thi công;</li> <li>- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải;</li> <li>- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân...</li> </ul>
<b>II. Giai đoạn hoạt động</b>		
1	Nước thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thu gom, thoát nước thải.</li> <li>- Bể tự hoại (1 bể).</li> <li>- Bể lắng gạn nước thải nhiễm dầu (02 bể).</li> </ul>
2	Nước mưa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thoát nước mưa.</li> </ul>
3	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí nhân viên vệ sinh quét dọn và phân loại, thu gom rác thải hàng ngày.</li> <li>- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, đổ thải và xử lý chất thải theo đúng quy định.</li> <li>- Chất thải nguy hại được thu gom và xử lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</li> </ul>
4	Khí thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí cây xanh trong khuôn viên dự án;</li> <li>- Tưới ẩm khu vực dự án</li> </ul>
5	Tiếng ồn, độ rung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên dự án;</li> <li>- Đối với máy phát điện: lắp đệm chống ồn, rung</li> </ul>

TT	Chất thải phát sinh	Biện pháp thực hiện
		trong quá trình lắp máy phát điện, máy phát điện được đặt trong phòng máy phát điện có cách âm.

### 3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường

Như đã trình bày tại mục 3.1, trong giai đoạn đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường, khống chế và phòng ngừa các sự cố ô nhiễm môi trường xảy ra. Cụ thể các công trình xử lý môi trường như sau:

- Công trình xử lý nước thải:
  - + Bố trí hệ thống thu gom, thoát nước thải và nước mưa;
  - + Xây dựng 1 bể tự hoại 03 ngăn tại chân công trình nhà vệ sinh để xử lý nước thải nhà vệ sinh;
  - + Xây dựng 02 bể lắng gạn nước thải nhiễm dầu.
- Chất thải rắn:
  - + Đầu tư các thùng chứa rác sinh hoạt và rác nguy hại;
  - + Xây dựng khu vực lưu chứa;
  - + Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn.
- Đối với khí thải:
  - + Tưới ẩm các tuyến đường tiếp giáp với dự án vào những ngày nắng nóng để giảm thiểu phát sinh bụi;
  - + Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án.

**Bảng 4.17. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Tiến độ
<b>I</b>	<b>Công trình xử lý nước thải</b>			
1	Mương thoát nước mưa	01	Hệ thống	Hoàn thành trước quý III/2024
2	Mương thoát nước thải	01	Hệ thống	
3	Nhà vệ sinh và bể tự hoại	01	Bể	
4	Bể lắng gạn nước thải nhiễm dầu	02	Bể	
<b>II</b>	<b>Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn</b>			
1	Thùng rác thông thường	03 thùng rác các loại		Hoàn thành trước quý III/2024
2	Thùng rác nguy hại	03	Thùng	
3	Hợp đồng xử lý chất thải rắn	02	HĐ	
<b>III</b>	<b>Công trình, biện pháp xử lý khí thải</b>			
1	Trồng cây xanh theo quy hoạch	5	Cây	Hoàn thành trước quý III/2024

### 3.3. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

**Bảng 4.18. Dự trù kinh phí xây dựng các công trình xử lý môi trường**

TT	Tên công trình	Kinh phí (Triệu đồng)
<b>I. Công trình xử lý nước thải</b>		<b>180</b>
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	70
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	110
<b>II. Công trình xử lý chất thải rắn</b>		<b>25</b>
1	Thùng rác thông thường và nguy hại	5
2	Hợp đồng xử lý	20
<b>III. Công trình, biện pháp xử lý khí thải</b>		<b>10</b>
1	Trồng cây xanh	10
<b>Tổng cộng</b>		<b>215</b>

### 3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án sẽ phân công cán bộ quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

✓ *Nhiệm vụ của cán bộ quản lý môi trường:*

- Kiểm tra kiểm soát quá trình thi công và vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

- Quản lý các vấn đề môi trường của dự án, cụ thể:

+ Thu nhận và quản lý các hồ sơ môi trường;

+ Giám sát hoạt động phát sinh chất thải, thường xuyên kiểm tra để phát hiện sự cố và khắc phục các sự cố xảy ra;

+ Theo dõi quá trình thu gom, cập nhật quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt.

### 4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

#### 4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá

Các đánh giá tác động tới môi trường của dự án được thực hiện chi tiết, tuân thủ theo trình tự:

- Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng hoạt động của dự án;

- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động;

- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá về tác động của dự án là khá chi tiết và cụ thể. Cũng chính vì vậy mà trên dự án đầu tư các đánh giá, dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường một cách khả thi.

#### 4.2. Về độ tin cậy của các đánh giá

Công cụ và các phương pháp được sử dụng để đánh giá tác động môi trường, đây là các phương pháp phổ biến nhằm đánh giá đầy đủ, chính xác, khoa học và khách quan về các tác động có thể xảy ra trong từng giai đoạn, cho từng đối tượng. Độ chính xác và tin cậy của các phương pháp này là khá cao.

Chúng tôi dựa vào một số tài liệu và định tính về các khả năng, xác suất lan truyền ô nhiễm để đánh giá tác động đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội khi xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động nên độ tin cậy chỉ ở mức độ tương đối.

Để có được các số liệu chính xác trong quá trình hoạt động của dự án, Chủ dự án sẽ thực hiện chương trình giám sát môi trường và trên dự án đầu tư đó sẽ điều chỉnh, bổ sung các giải pháp thích hợp để kiểm soát ô nhiễm, hạn chế các tác động môi trường không mong muốn.

Đội ngũ tham gia lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là các thành viên đã được đào tạo chuyên môn về lĩnh vực môi trường, xây dựng; đã có kinh nghiệm nhiều năm. Do đó những dự báo, đánh giá đưa ra khá đầy đủ, mang tính thực tế và độ tin cậy cao.

Các phương pháp được sử dụng để đánh giá và mức độ tin cậy từng phương pháp được tóm tắt ở bảng sau:

**Bảng 4.19. Độ tin cậy của các phương pháp đánh giá tác động môi trường**

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê.	Cao	Thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện khí tượng, thủy văn, kinh tế xã hội tại khu vực dự án.
2	Phương pháp nghiên cứu khảo sát hiện trường.	Cao	Có tính thực tiễn cao và đánh giá đúng bản chất tác động của dự án
3	Phương pháp lấy mẫu, phân tích, xử lý số liệu trong phòng.	Cao	Phương pháp + dụng cụ + nhân lực đáng tin cậy.
4	Phương pháp điều tra xã hội học.	Cao	Có tính chất thực tiễn và cụ thể với dự án.
5	Phương pháp so sánh, đối chứng.	Cao	So sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam hiện hành.
6	Phương pháp kế thừa	Cao	Kế thừa các kết quả nghiên cứu,

<b>TT</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Mức độ tin cậy</b>	<b>Nguyên nhân</b>
			báo cáo của các dự án cùng loại đã được bổ sung và chỉnh sửa theo ý kiến của hội đồng thẩm định.

## Chương V

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

##### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải từ dự án: 02 nguồn

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt (nước thải từ bể tự hoại; hoạt động rửa mặt, tay chân).

- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động rửa xe.

- Nguồn số 03: nước thải nhiễm dầu (từ hoạt động rửa sàn, súc rửa bể).

**1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:** lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là  $5,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  tương đương  $0,23 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

##### 1.3. Dòng nước thải

Dòng nước thải: số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép là 01 (một) dòng. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu chảy về nguồn tiếp nhận là mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du đoạn đi qua phường Bến Thủy, thành phố Vinh.

#### 1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B (cửa hàng có dịch vụ rửa xe).

**Bảng 5.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm nước thải**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5-9
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/l	18

##### 1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: điểm đầu nối nước thải vào mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du thuộc phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):



**Bảng 5.2. Vị trí tọa độ xả thải**

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000	
		X (m)	Y (m)
1	Tọa độ điểm xả nước thải	2063487	599998

- Phương thức xả nước thải: tự chảy, nước thải sau xử lý theo hệ thống thoát nước nội bộ rồi xả ra mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du đoạn đi qua phường Bến Thủy, thành phố Vinh.

- Chu kỳ xả thải: liên tục, 24h/ngày.đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước dọc đường Nguyễn Du đoạn đi qua phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

### 2.1. Nguồn phát sinh:

+ Tiếng ồn từ hoạt động mua bán xăng dầu của dự án.

+ Tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông của nhân viên và khách hàng ra vào Dự án, phương tiện nhập nguyên liệu.

+ Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các thiết bị sử dụng điện và máy phát điện dự phòng.

### 2.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

**Bảng 5.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN	QCVN
			26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ)	27:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ)
1	Tiếng ồn	dBA	70	-
2	Độ rung	dB	-	70

### 2.3. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

+ Vị trí phát sinh tiếng ồn: vị trí phát sinh tiếng ồn từ phương tiện giao thông, hoạt động mua bán xăng dầu, hoạt động nhập nguyên liệu không có vị trí cố định.

+ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X(m) = 2063510, Y(m) = 600019.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả khí thải. Tuy nhiên, dự án vẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải như sau:

- Đối với khí thải của máy phát điện: sử dụng dầu DO có hàm lượng S<1% để chạy máy phát điện đảm bảo nồng độ khí thải của máy phát điện nằm trong giới hạn cho phép theo quy định; bố trí riêng vị trí đặt máy phát điện dự phòng.

- Đối với mùi phát sinh từ hoạt động xuất nhập nguyên liệu vào bể:

+ Cửa hàng thực hiện nhập xăng dầu bằng hệ thống nhập kín, hệ thống thu hồi hơi xăng dầu.

+ Bể luôn ở tình trạng kín, các thiết bị ở tình trạng hoạt động tốt;

+ Quá trình nhập xuất xăng dầu luôn ở chế độ nhúng chìm.

- Đối với mùi phát sinh từ kho tập kết rác, hệ thống thoát nước thải:

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nắp đậy hố ga, không để các loại khí thải sinh ra từ quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ trong nước thải phát tán vào môi trường không khí.

+ Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống thu gom và thoát nước thải, đảm bảo quá trình vận hành được xảy ra liên tục.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom, tập trung và hàng ngày vận chuyển theo giờ cố định, không tập trung lâu ngày, thường xuyên được phun khử mùi, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển rác 01 ngày/lần.

#### 4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

##### 4.1. Chất thải nguy hại

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

**Bảng 5.3. Khối lượng chất thải nguy hại**

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/tháng)	Mã chất thải
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	KS	1	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	1	16 01 06
3	Hộp mực in thải	NH	0,5	08 03 17
4	Cặn bản súc, vớt bể xăng dầu	KS	2,5	19 07 01
5	Dầu thải	NH	5	17 02 04
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	KS	2	18 01 03
<b>Tổng</b>			<b>12</b>	

Chất thải nguy hại được thu gom, tập trung đúng nơi quy định, định kỳ thu gom 01 năm/lần. Bố trí 03 thùng rác composite để chứa chất thải nguy hại có dung tích 60l.

##### 4.2. Chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 8,0 kg/ngày (tương đương 240 kg/tháng và 2.880 kg/năm).

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn như sau:

- Đối với rác thực phẩm (thực phẩm, thức ăn thừa,... ) được thải loại, bố trí 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, cho người dân trong vùng về làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm hoặc thu gom, xử lý cùng loại chất thải rắn sinh hoạt khác;

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế như: giấy vụn, nhựa vỏ bao bì... được thu gom vào 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, thu gom về kho chất thải đặt tại nhà bán hàng, trưng bày sản phẩm, định kỳ bán phế liệu.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác (không có khả năng tái chế) được thu gom vào 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, thu gom về kho chất thải và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

## **Chương VI**

### **KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm, bao gồm:

- Hồ lắng của dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đá vôi;
- Hồ sự cố của hệ thống xử lý nước thải (trừ hồ sự cố kết hợp hồ sinh học);
- Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO; hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng;
- Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định);

Với lượng phát thải nhỏ, chủ đầu tư dự án đã xây dựng bể tự hoại để xử lý lượng nước thải phát sinh. Do đó, dự án thuộc nhóm không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

## **Chương VII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, Công ty sẽ tự mình và yêu cầu các đơn vị thi công xây dựng cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện Dự án:
  - Nước thải:
    - + Nước thải trong giai đoạn hoạt động sau khi xử lý nằm trong giới hạn ở cột B của QCVN 29:2010/BTNMT (cửa hàng có dịch vụ rửa xe).
  - Chất thải rắn:
    - + Phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường (theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022).
  - + Chất thải nguy hại sẽ được thu gom, quản lý, định kỳ báo cáo về Sở TN&MT và phân loại quản lý theo theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.
- Cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống cháy và không để xảy ra hiện tượng cháy nổ.
5. Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ nghiêm túc nội dung của giấy phép môi trường của dự án./.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH NGHỆ AN  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2900326304**

*Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 07 năm 2010*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 25 tháng 03 năm 2017*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY XÃNG DẦU NGHỆ AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PETROLIMEX NGHE AN Co.,Ltd

Tên công ty viết tắt: PETROLIMEX NGHE AN

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 4, đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Điện thoại: 0383.844701

Email: [vanns@petrolimex.com.vn](mailto:vanns@petrolimex.com.vn)

Fax: 0383.845801

Website: [www.nghean-petrolimex.com.vn](http://www.nghean-petrolimex.com.vn)

**3. Vốn điều lệ** 131.100.000.000 đồng

*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỷ một trăm triệu đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: TẬP ĐOÀN XÃNG DẦU VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0100107370

Do: Phòng ĐKKD Phòng Đăng Ký Kinh

Doanh số 2 - Sở Kế Hoạch và Đầu tư  
thành phố Hà Nội

Cấp ngày: 01/12/2011

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 1, phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN SỸ VĂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 27/02/1966

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 181345122

Ngày cấp: 09/01/2008

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nghệ An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 01, Ngõ số 01, đường Nguyễn Sỹ Sách, khối Vinh Tiên, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 01, Ngõ số 01, đường Nguyễn Sỹ Sách, khối Vinh Tiên, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



*Hà Văn Đạt*





Số: 3672 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 07 tháng 10 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/250  
Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch và đô thị ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ bản vẽ mặt bằng quy hoạch tổng thể đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt ngày 30/3/2005; Quyết định số 245/QĐ-UBND.ĐC ngày 18/4/2006 của UBND tỉnh Nghệ An về việc cho Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh (nay là Công ty xăng dầu Nghệ An) thuê đất (đợt 1) tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2444/SXD.KTQH ngày 20/7/2021 và số 3253/SXD.QHKT ngày 23/9/2021 về việc báo cáo thẩm định điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh (tỷ lệ 1/250).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/250 Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, với những nội dung chính như sau:

**1. Tên hồ sơ:** Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/250 Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh.

**2. Chủ đầu tư:** Công ty xăng dầu Nghệ An.

**3. Tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch:** Công ty Cổ phần kiến trúc TLT.

**4. Lý do điều chỉnh quy hoạch:** Hiện nay, Chủ đầu tư mới chỉ thỏa thuận thống nhất đền bù GPMB thêm được 7 hộ dân cư về phía Đông Nam dự án (đoạn tiếp giáp với đường bê tông nối ra đường Nguyễn Du); Phần diện tích đất của các

hộ dân còn lại (16 hộ dân) về phía Đông Bắc khu đất dự án không thực hiện được do các hộ dân không thống nhất. Để đảm bảo việc hoạt động sản xuất kinh doanh, Chủ đầu tư lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch để tách phần diện tích đất (của 16 hộ dân) không đền bù GPMB được ra ngoài phạm vi ranh giới của dự án và xác định lại phạm vi ranh giới, quy mô diện tích dự án (trên phần diện tích đất được giao đợt 1 và phần diện tích đã đền bù GPMB); đồng thời bố trí lại các hạng mục công trình xây dựng cho phù hợp với tổng thể dự án, trình thẩm định, phê duyệt làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

**5. Vị trí khu đất quy hoạch xây dựng:** Tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh. Cụ thể các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: Đường ngõ xóm;
- Phía Tây Bắc giáp: Đất doanh nghiệp Hùng Hồng;
- Phía Tây Nam giáp: Đường Nguyễn Du, quy hoạch rộng 45,0m;
- Phía Đông Nam giáp: Đường ngõ xóm, quy hoạch rộng 7,5m.

**6. Các thông số quy hoạch và quy mô xây dựng công trình:**

*6.1. Về thông số quy hoạch kiến trúc sau điều chỉnh:*

- Diện tích khu đất: Tổng diện tích 1.108,60m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi đường nối các điểm M1,M2,M3,M4,M5 và M1 (theo bản vẽ quy hoạch);
- Diện tích xây dựng công trình: 586,5m<sup>2</sup>;
- Diện tích cây xanh, sân đường nội bộ: 522,1m<sup>2</sup>;
- Mật độ xây dựng: 52,9%;
- Tầng cao công trình: 01 - 02 tầng.

*6.2. Về quy hoạch xây dựng các hạng mục công trình kiến trúc:* Các hạng mục công trình chính được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch như sau:

- (1) Lối vào;
- (2) Mái che cột bơm, cao 1 tầng, DTXD 396,0 m<sup>2</sup> (đã XD);
- (3) Nhà bán hàng, trưng bày sản phẩm, nghỉ ca + kho, máy phát, cao 2 tầng, DTXD 139,7m<sup>2</sup> (XD mới);
- (4) Khu bể chứa xăng, dầu (bể ngầm), DTXD 63,2m<sup>2</sup> (XD mới);
- (5) Nhà dịch vụ tiện ích + kho dầu mỡ, cao 1 tầng, DTXD 32,8m<sup>2</sup> (XD mới);
- (6) Khu rửa xe, thay dầu mỡ (mái che khung thép di động), DTXD 15,0m<sup>2</sup> (XD mới);
- (7) Bể xử lý nước thải (2 bể ngầm), tổng diện tích 2,0m<sup>2</sup> (XD mới);
- (8) Bể nước PCCC, DTXD 1,0m<sup>2</sup> (XD mới);
- (9) Bể cát PCCC, DTXD 1,0m<sup>2</sup> (XD mới);
- (10) Bể lưu tạm chất thải nguy hại, DTXD 1,0m<sup>2</sup> (XD mới);
- (11) Sân đường giao thông nội bộ.

**7. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/250 Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh.**

## 8. Các quy định về hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường:

- *San nền*: Căn cứ vào cao độ của khu vực xung quanh dự án để thiết kế cao độ san nền của dự án cho phù hợp với cao độ san nền khu vực. Cao độ san nền cụ thể của dự án xác định tại bước lập hồ sơ thiết kế xây dựng công trình.

- *Thoát nước mưa*: Bố trí hệ thống mương, cống thoát nước xung quanh dự án để thu gom toàn bộ nước mặt dẫn về hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- *Nước thải sinh hoạt*: Xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của dự án.

- *Chất thải rắn*: Thu gom toàn bộ, phân loại và vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung của địa phương theo đúng quy định.

### Điều 2.

#### 1. Yêu cầu chủ đầu tư:

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án đúng quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tổ chức công khai các thông tin liên quan đến dự án theo quy định (quy hoạch xây dựng, tổ chức thi công, phương án quản lý dự án sau đầu tư, ...).

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Công an tỉnh; Cục Thuế; UBND thành phố Vinh; UBND phường Bến Thủy, thành phố Vinh chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc thực hiện quy hoạch, thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư xây dựng, sử dụng đất đai, tài sản công và hoạt động đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương; Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND thành phố Vinh, Chủ tịch UBND phường Bến Thủy, thành phố Vinh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

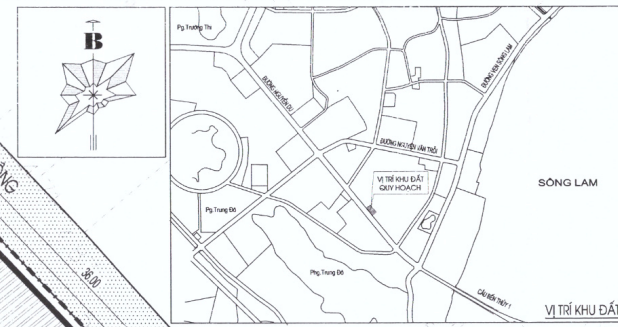
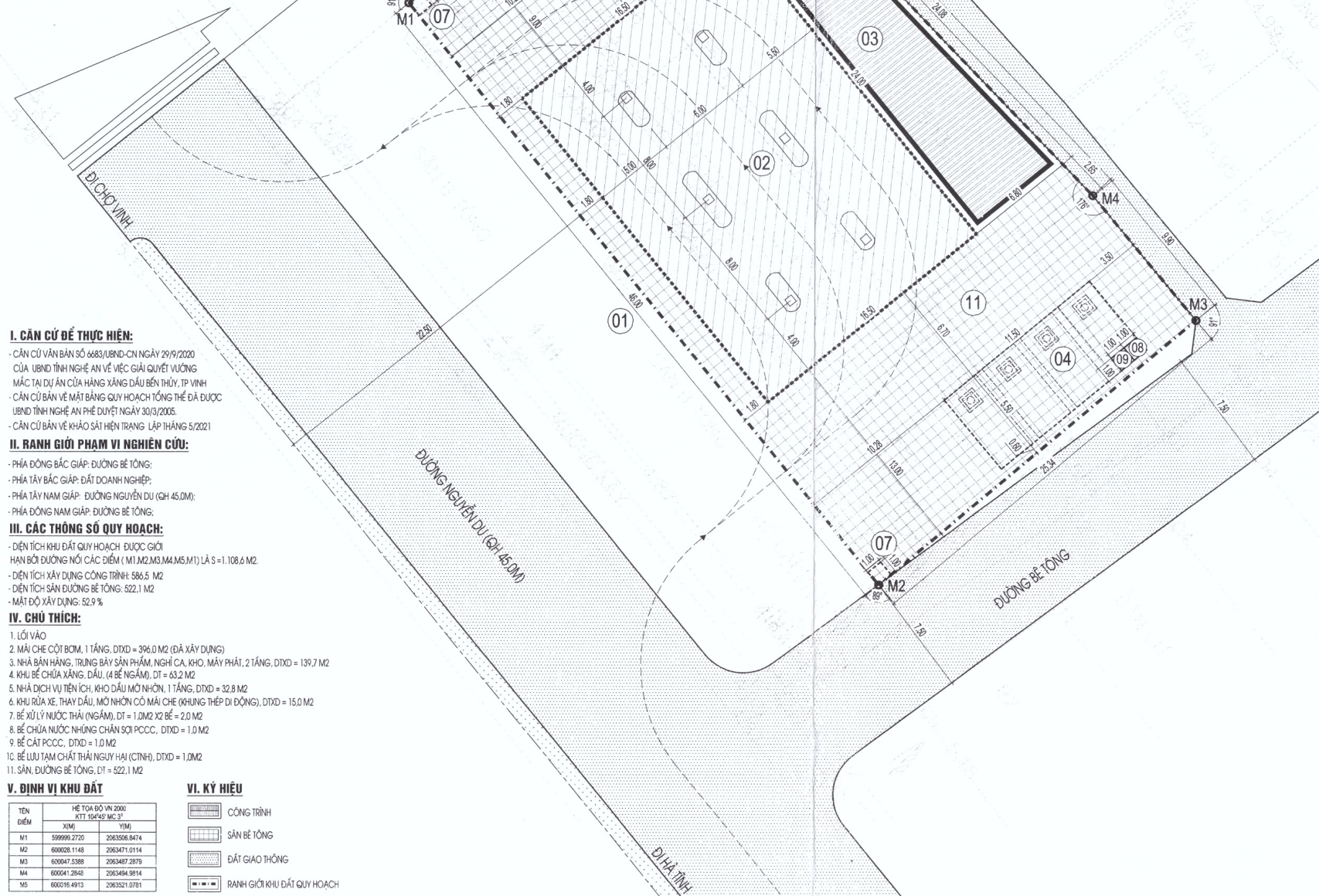
- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC;
- Trưởng phòng Công nghiệp;
- Lưu: VT, CV(H.Tuấn);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

**CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN**  
**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT (TỶ LỆ 1/250) XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU BẾN THỦY**  
 ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG BẾN THỦY - THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN  
**MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ**  
 (BẢN VẼ NÀY THAY THẾ BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NGÀY 30/3/2005)



**I. CĂN CỨ ĐỂ THỰC HIỆN:**

- CĂN CỨ VĂN BẢN SỐ 6683/UBND-CN NGÀY 29/9/2020 CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VƯỚNG MẮC TẠI DỰ ÁN CỦA HÀNG XĂNG DẦU BẾN THỦY, TP VINH
- CĂN CỨ BẢN VẼ MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH NGHỆ AN PHÊ DUYỆT NGÀY 30/3/2005.
- CĂN CỨ BẢN VẼ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG LẬP THÁNG 5/2021

**II. RANH GIỚI PHẠM VI NGHIÊN CỨU:**

- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP: ĐƯỜNG BÉ TÔNG;
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP: ĐẤT DOANH NGHIỆP;
- PHÍA TÂY NAM GIÁP: ĐƯỜNG NGUYỄN DU (GH. 45.0M);
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP: ĐƯỜNG BÉ TÔNG;

**III. CÁC THÔNG SỐ QUY HOẠCH:**

- DIỆN TÍCH KHU ĐẤT QUY HOẠCH ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI ĐƯỜNG NỐI CÁC ĐIỂM (M1, M2, M3, M4, M5, M1) LÀ S = 1.108,6 M2
- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 586,5 M2
- DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG BÉ TÔNG: 522,1 M2
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 52,9 %

**IV. CHỦ THÍCH:**

- LỐI VÀO
- MÁI CHE CỘT BOM, 1 TẦNG, DTXD = 396,0 M2 (ĐÃ XÂY DỰNG)
- NHÀ BÁN HÀNG, TRUNG BÀY SẢN PHẨM, NGHỈ CÁ, KHO, MÁY PHÁT, 2 TẦNG, DTXD = 139,7 M2
- KHU BẾ CHỨA XĂNG, DẦU, (4 BẾ NGẤM), DT = 63,2 M2
- NHÀ DỊCH VỤ TIỆN ÍCH, KHO DẦU MỜ NHỜN, 1 TẦNG, DTXD = 32,8 M2
- KHU RỬA XE, THAY DẦU, MỜ NHỜN CÓ MÁI CHE (KHUNG THÉP DI ĐỘNG), DTXD = 15,0 M2
- BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (NGẤM), DT = 1,0 M2 X2 BẾ = 2,0 M2
- BẾ CHỨA NƯỚC NHỮNG CHẤN SỢI PCCC, DTXD = 1,0 M2
- BẾ CÁT PCCC, DTXD = 1,0 M2
- BẾ LƯU TAM CHẤT THẢI NGUY HẠI (CTNH), DTXD = 1,0 M2
- SÂN, ĐƯỜNG BÉ TÔNG, DT = 522,1 M2

**V. ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT**

TÊN ĐIỂM	HỆ TOạ ĐỘ VN 2000 KTT 104'49" MC 3'	X (M)	Y (M)
M1		599999,2720	2063506,8474
M2		600028,1148	2063471,0114
M3		600047,5388	2063487,2879
M4		600041,2642	2063494,9814
M5		600016,4913	2063521,0781

**VI. KÝ HIỆU**

- CÔNG TRÌNH
- SÂN BÉ TÔNG
- ĐẤT GIAO THÔNG
- RANH GIỚI KHU ĐẤT QUY HOẠCH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND TỈNH NGHỆ AN CHỦ TỊCH

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3672 NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2021

LÊ HỒNG VINH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ XÂY DỰNG NGHỆ AN GIÁM ĐỐC

PHÒNG QUẢN LÝ THI CÔNG XÂY DỰNG

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 2049/CV NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 2021

CƠ QUAN THỎA THUẬN: UBND THÀNH PHỐ VINH CHỦ TỊCH

PHÒNG QUẢN LÝ THI CÔNG XÂY DỰNG

TRẦN NGỌC TỨ

CƠ QUAN THỎA THUẬN: UBND PHƯỜNG BẾN THỦY CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huân

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN CHỦ TỊCH KIỂM GIẢM ĐỐC

NGUYỄN THANH HẢI

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2021

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:  
 ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT (TỶ LỆ 1/250) CỦA HÀNG XĂNG DẦU BẾN THỦY  
 ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG BẾN THỦY - THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ:  
**MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ**

BẢN VẼ: QH 01/01	KHỔ GIẤY: A3	TỶ LỆ: 1/250	THÁNG 5, 2021
CHỦ TRÌ	KTS. TRINH HUY THỊNH		
THIẾT KẾ	KTS. TRẦN TUẤN DŨNG		
THỰC HIỆN	KTS. TRẦN TUẤN DŨNG		
QLKT	KS. HOÀNG NGHĨA CAO		
GIẢM ĐỐC	KTS. TRINH HUY THỊNH		

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC TL

ĐỊA CHỈ: SỐ 146 - D. NGUYỄN SỰ SÁCH - THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

**BẢN SAO**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 57 /GXN-UBND

Vinh, ngày 28 tháng 11 năm 2008

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ  
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án: Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy  
tại khối 14, phường Bến Thủy, thành phố Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH  
XÁC NHẬN**

**Điều 1.** Chủ dự án là Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh đã có Công văn số 937/XDNT ngày 29 tháng 02 năm 2008 đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy tại khối 14, phường Bến Thủy, thành phố Vinh.

**Điều 2.** Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./g

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Phòng TNMT
- UBND P. Bến Thủy;
- Lưu VT, HS

**CHỨNG NHẬN SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH**

Số:..... Quyển:.....

Ngày 05-08-2015

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG  
VINH - NGHỆ AN**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quốc Hồng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Xuân Kính

UBND TỈNH NGHỆ AN  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**  
Số: 216L3/GCNDĐK-SCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
Nghệ An, ngày 31 tháng 8 năm 2020

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

*Cấp lại lần thứ nhất: ngày 16/8/2010; Cấp lại lần thứ hai: ngày 18/8/2015;  
Cấp sửa đổi lần thứ nhất: ngày 05/11/2019; Cấp lại lần thứ ba: ngày 31/8/2020:*

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;  
Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  
Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Nghệ An;  
Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của Công ty Xăng dầu Nghệ An;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý thương mại,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu:

**1. Tên cửa hàng: PETROLIMEX – CỬA HÀNG 09**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0869589009

Thuộc sở hữu của Công ty Xăng dầu Nghệ An

Địa chỉ trụ sở chính: Số 04 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383 844701

Fax: 02383 845801

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900326304 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 10/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/03/2017.

Mã số thuế: 2900326304

Đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

**2. Thương nhân cung cấp xăng dầu**

Tên thương nhân: Công ty Xăng dầu Nghệ An

Địa chỉ trụ sở chính: Số 04, đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383844701 Fax: 02383 845801

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900326304, do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 10/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/3/2017.

Mã số thuế: 2900326304

**Điều 2.** Công ty Xăng dầu Nghệ An và PETROLIMEX – CỬA HÀNG 09 phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy Chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày 30/8/2025./th

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Công Thương;
- Cục QLTT Nghệ An;
- UBND TP Vinh;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, BP GD&TKQ, QLTM. *th*



**Hoàng Văn Tâm**

Số: 22/10/ĐK-PCCC (PC66)

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/bà: .....

**NGUYỄN SỸ VĂN** Chức vụ: **Giám đốc**

Đại diện cho: **Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy**

và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC của **Phòng Cảnh sát PCCC**

lập ngày 17 tháng 03 năm 2011

(1) **PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**

**CHỨNG NHẬN:**

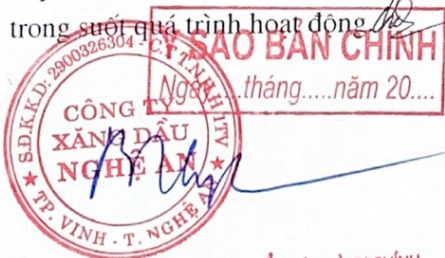
(2) **CỬA HÀNG XĂNG DẦU BẾN THỦY**

Thuộc: **Công ty xăng dầu Nghệ An**

Địa chỉ: **Đường Nguyễn Du, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật để: **Kinh doanh xăng dầu và khí đốt hóa lỏng**

Đồng thời ông/bà: **NGUYỄN SỸ VĂN** có trách nhiệm duy trì liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của **Cửa hàng** trong suốt quá trình hoạt động



TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH  
**Erân Đình Vũ**

TP Vinh, ngày 21 tháng 03 năm 2011

(3) **TRƯỞNG PHÒNG**



Đại tá **Lê Quốc Báo**

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;  
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;  
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;  
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 1087/XĐ ngày 24/5/2006 của: Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh  
Người đại diện là ông/bà: Ngô Xuân Bình Chức danh Giám đốc  
(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

**CHỨNG NHẬN:**

(2) Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy  
Địa điểm: khối 14, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, Nghệ An  
Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh  
Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng Thanh An  
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Khoảng cách an toàn PCCC; Các giải pháp ngăn cháy; Hệ thống công nghệ xuất, nhập xăng dầu; Các giải pháp chữa cháy; Hệ thống chống sét đánh thẳng; Hệ thống tiếp địa an toàn và chống tĩnh điện; Biện pháp chống nổi bãi; Hệ thống điện

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Các thiết bị PCCC lắp đặt tại cửa hàng phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chấp thuận trước khi lắp đặt. Trong quá trình thi công nếu có thay đổi về thiết kế chủ đầu tư phải liên hệ thẩm duyệt về PCCC phần thay đổi. Thực hiện lưu trữ hồ sơ thi công trình về một PCCC trước khi đưa công trình vào hoạt động. Thủ lượng của kho gas không vượt quá 730kg.

(4) P. TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Nơi nhận:  
- Công ty Xăng dầu NT  
- Công an TP Vinh  
- Lưu PCCC



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Xuân Bình



Dương Danh Thăng

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.  
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.  
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.  
(4) Chức danh người ký giấy.



Nghệ An, ngày 12 tháng 01 năm 2016

**SỔ ĐĂNG KÝ  
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 40.000361.T

(Cấp lần thứ ba: ngày 12/01/2016)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:**

- Tên chủ nguồn thải: Công ty Xăng dầu Nghệ An.
- Địa chỉ: Số 4. Đường Nguyễn Sỹ Sách, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 0383.844.701.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 29003263304, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

**II. Nội dung đăng ký:**


Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**


1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**IV. Điều khoản thi hành:**

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 40.000294.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp lần thứ ba ngày 29/4/2014)./.

Nơi nhận: 

- Như phần I.

- Lưu: VT; CCBVMT 

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



  
Nguyễn Ngọc Võ

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 40.000361.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp lần thứ tư ngày 12/01/2016).

**I. Các cơ sở phát sinh CTNH****1. Kho xăng dầu Bến Thủy.**

Địa chỉ cơ sở: Khối Đông Lâm, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Điện thoại: (0383) 844 532, 846 218; Fax: 0383 597 572.

**2. Kho xăng dầu Nghi Hương**

Địa chỉ cơ sở: Khối 5, Phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.  
Điện thoại: (0383) 824 293; Fax: 0383 955 795.

**3. Trung tâm Kinh doanh Tổng hợp**

Địa chỉ cơ sở: Xóm 14 xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.  
Điện thoại: (0383) 851710; Fax: 0383 851150

**4. Cửa hàng xăng dầu Hưng Bình**

Địa chỉ cơ sở: Số 26, đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Điện thoại: 0383 596 052

**5. Cửa hàng xăng dầu Vinh Tân.**

Địa chỉ: Đường Cao Xuân Huy, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Điện thoại: 038 3564318

**6. Cửa hàng xăng dầu Trung Tâm.**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, Nghệ An.  
Điện thoại: 038.3852398

**7. Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy.**

Địa chỉ: Khối 14, Đường Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Điện thoại: 038.3557899

**8. Cửa hàng xăng dầu Hưng Phúc.**

Địa chỉ cơ sở: Số 186, Đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Điện thoại: 038.3594733

**9. Cửa hàng xăng dầu Hà Huy Tập.**

Địa chỉ cơ sở: Số 90 Đường Mai Hắc Đế, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An.  
Điện thoại: 038.3842076

**10. Cửa hàng xăng dầu Quán Bàu.**

Địa chỉ cơ sở: Số 03, Đường Nguyễn Trãi, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, Nghệ An.  
Điện thoại: 038.3851069

## 6. Cửa hàng xăng dầu Trung tâm

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Cặn bẩn súc vét bể xăng dầu	Bùn	4	19 07 01
02	Hộp mực in thải	Rắn	1,5	08 02 04
03	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1,5	16 01 06
04	Giẻ lau dính dầu	Rắn	6	18 02 01
05	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	20	18 01 02
<b>Tổng số lượng (kg/năm)</b>			<b>33</b>	

## 7. Cửa hàng xăng dầu Bến Thủy

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Cặn bẩn súc vét bể xăng dầu	Bùn	4	19 07 01
02	Hộp mực in thải	Rắn	1,5	08 02 04
03	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1,5	16 01 06
04	Giẻ lau dính dầu	Rắn	10	18 02 01
05	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	20	18 01 02
06	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	16	18 01 03
07	Dầu thải	Lỏng	20	17 02 04
<b>Tổng số lượng (kg/năm)</b>			<b>73</b>	

## 8. Cửa hàng xăng dầu Hưng Phúc

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Cặn bẩn súc rửa bể xăng dầu	Bùn	4	19 07 01
02	Hộp mực in thải	Rắn	1,5	08 02 04
03	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1,5	16 01 06
04	Giẻ, găng tay dính dầu	Rắn	4	18 02 01
05	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	20	18 01 02
<b>Tổng số lượng (kg/năm)</b>			<b>29</b>	

## 9. Cửa hàng xăng dầu Hà Huy Tập

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Cặn bẩn súc rửa bể xăng dầu	Bùn	4	19 07 01
02	Hộp mực in thải	Rắn	1,5	08 02 04
03	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1,5	16 01 06